

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/07/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số 892/QĐ-SGDHN do Sở GDCK Hà Nội cấp ngày 24/10/2017)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Điện thoại:	(84-24) 38343087
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Fax:	(84-24) 38345212
Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Điện thoại:	(84-24) 3928 8888
Số 72Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Fax:	(84-24) 3928 9888
Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Điện thoại:	(84-28) 3914 6888
Số 233 Đồng Khởi, Q1, Tp. Hồ Chí Minh	Fax:	(84-28) 3914 7999
Phụ trách công bố thông tin:		
Họ tên: Ông Bùi Quang Tùng	Điện thoại :	(84-24) 38343087
Chức vụ: Chánh văn phòng HĐQT		

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 10/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/07/2015).

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 20, Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà nội

Điện thoại: (84-24) 3834 3087 **Fax:** (84-24) 3834 5212

Website: www.tlg.com.vn

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Tổng công ty Thăng Long - CTCP

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : TTL

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết : 41.908.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết : 419.080.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: Số 29 Đường Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3910 4881

Fax: (84-28) 3910 4880

Website: www.aascn.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 24) 3928 8888

Fax: (84 - 24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1.	RỦI RO KINH TẾ.....	3
2.	RỦI RO LUẬT PHÁP.....	4
3.	RỦI RO ĐẶC THÙ.....	4
4.	RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG.....	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG.....	6
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT: TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP.....	6
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.....	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	7
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	7
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY.....	12
3.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% TỔNG SỐ CỔ PHẦN.....	17
4.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT; NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT;.....	19
5.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.....	22
6.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	41
7.	VỊ THẾ CỦA TỔNG CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC.....	44
8.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	48
9.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	49
10.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	50
11.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	64
12.	TÀI SẢN.....	80
13.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	85
14.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	87
15.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA ĐƯỢC THỰC HIỆN.....	87
16.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN.....	87
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	87
1.	LOẠI CỔ PHIẾU: Cổ phiếu phổ thông.....	87
2.	MỆNH GIÁ: 10.000 đồng/cổ phần.....	87
3.	TỔNG SỐ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT: 41.908.000 cổ phiếu.....	87
4.	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG :.....	87
5.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:.....	89
6.	GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.....	90
7.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	90
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT.....	91

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN	91
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	91
CÁC PHỤ LỤC.....	91
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	91
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	91
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2015, 2016 và Báo cáo soát xét 6T/2017	91
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.....	91

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Theo số liệu của Tổng cục thống kê công bố, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2016 là 4,74%, trong giới hạn 5% mà Quốc Hội đề ra. Tuy có sự giảm sút về tốc độ tăng trưởng GDP so với năm 2015 (6,68%) và chưa đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% do Quốc Hội đề ra, nhưng Chính Phủ đã thể hiện được sự quyết liệt trong việc giữ tăng trưởng kinh tế ổn định trong bối cảnh gặp nhiều biến động không thuận lợi từ kinh tế thế giới, điều kiện thời tiết khó khăn, và diễn biến ô nhiễm môi trường biến phức tạp. Về đánh giá triển vọng kinh tế vĩ mô 2017, theo nhận định của Ngân hàng Thế Giới, Việt Nam được đánh giá có mức tăng trưởng tích cực trong trung hạn với mức tăng trưởng GDP dự kiến vào khoảng 6,3% trong 2017 và 2018. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã đặt mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP cho cả năm 2017.

Trong năm 2017, Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng. Các chính sách được áp dụng và triển khai hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến xây dựng hạ tầng giao thông nói riêng.

Tổng công ty Thăng Long – CTCP là doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực xây dựng giao thông mà nổi bật là xây dựng và thi công các công trình cầu, đường giao thông... Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định sẽ thúc đẩy khả năng đầu tư công của Nhà nước và nhân dân đối với việc xây dựng hạ tầng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần của Tổng công ty. Và ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại, làm chậm sự phát triển của ngành giao thông nói chung và của Tổng công ty nói riêng.

Tình hình nợ công và ngân sách nhà nước: trong những năm gần đây, tình hình nợ công của Chính phủ đang tăng cao, gây sức ép lên việc vay, trả nợ và ngân sách Nhà nước chi đầu tư. Theo dự báo của Bộ Tài chính, đỉnh nợ công sẽ rơi vào năm 2017 – 2018 và có thể giảm dần trong những năm sau đó. Cụ thể, với giả định rằng tăng trưởng GDP vào khoảng 6,7 – 7% thì nợ công năm 2017 sẽ lên đến 64,8% GDP. Năm 2018, nợ công vẫn duy trì ở mức cao, vào khoảng 64,7% GDP. Và phải đến 2020, nợ công mới có thể giảm điểm phần trăm, lùi về 63,7%. Tình hình nợ công tăng cao và ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển nói chung,

phát triển hạ tầng giao thông nói riêng bị hạn chế sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tình hình lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, nợ phải trả của Công ty mẹ - Tổng công ty là hơn 1.018,45 tỷ đồng tương đương với 65,21% tổng nguồn vốn, trong đó các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn là hơn 124,61 tỷ đồng. Vì vậy, sự biến động của lãi suất các khoản vay sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của một số các văn bản luật như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Đầu tư; Luật đầu tư công; Luật đấu thầu.... Hiện nay, chính sách pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng giao thông có nhiều sự thay đổi dẫn đến các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng. Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, Tổng công ty luôn tiến hành cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

❖ Rủi ro hoạt động

Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này, Tổng công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

Hiện nay, Tổng công ty đang có vốn góp và được chia lợi nhuận tại 2 công ty liên kết, liên doanh là Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh và Công ty TNHH BOT Đường 188, hoạt

động của các Công ty này chịu ảnh hưởng bởi các Hợp đồng BOT và chính sách thu phí của Chính phủ trong từng thời kỳ.

❖ **Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào**

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Tổng công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu... đều có xu hướng tăng, do đó tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế biến động của nguồn nguyên nhiên vật liệu như ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp....

❖ **Rủi ro về thị trường và cạnh tranh**

Thị trường xây dựng hạ tầng giao thông phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư (chủ yếu là hoạt động đầu tư công các công trình giao thông), khối lượng và tiến độ thi công các công trình giao thông của Chủ đầu tư, trong khi đó những năm gần đây nguồn ngân sách đầu tư công dành cho lĩnh vực giao thông bị hạn chế, số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt dẫn đến áp lực phải hạ giá thi công, ảnh hưởng đến doanh số và lợi nhuận, mặt khác đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao công trình.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Tổng công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay, do đó Tổng công ty phải huy động vốn từ các nguồn bên ngoài, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Đối với các khoản

vay nợ, đặc biệt là các khoản vay nợ dài hạn ngân hàng, Tổng công ty phải trả chi phí lãi vay nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng.

Để khắc phục những tồn tại trên, Tổng công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

4. RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hoả hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ có thể gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT: TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Trung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Đại diện theo pháp luật:	Ông Nhữ Đình Hòa
Chức vụ:	Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Thăng Long - CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Thăng Long - CTCP cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ, nhóm từ hoặc từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Tổng công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

2. “**BCTC**”: Báo cáo tài chính
3. “**BKS**”: Ban kiểm soát
4. “**BVSC**”: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
5. “**Công ty Kiểm toán**”: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty
6. “**Cổ đông**”: tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty
7. “**Cổ phần**”: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
8. “**Cổ phiếu**”: chứng chỉ do Tổng công ty niêm yết xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty Thăng Long - CTCP.
9. “**CTCP**”: Công ty cổ phần
10. “**ĐHĐCĐ**”: Đại hội đồng cổ đông
11. “**Điều lệ**”: Điều lệ của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua.
12. “**GTVT**”: Giao thông vận tải
13. “**GTHĐ**”: Giá trị Hợp đồng
14. “**HDQT**”: Hội đồng quản trị
15. “**SGDCK**”: Sở Giao dịch Chứng khoán
16. “**TL CORP**” hoặc “**TTL**” hoặc “**Tổng công ty**”: Tổng công ty Thăng Long - CTCP
17. “**Tổ chức niêm yết**”: Tổng công ty Thăng Long - CTCP
18. “**Tổ chức tư vấn**”: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19. “**TTLKCK/VSD**”: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
20. “**TTTM**”: Trung tâm thương mại
21. “**UBCKNN**”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
22. “**Vốn điều lệ**”: số vốn do tất cả cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Tổng công ty Thăng Long – CTCP.
23. “**XDCT**”: Xây dựng công trình

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- **Tên Công ty:** TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
- **Tên tiếng Anh:** THANG LONG JOINT STOCK CORPORATION
- **Tên viết tắt:** TLG ®
- **Biểu tượng của Công ty :**



- **Trụ sở chính:** Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- **Văn phòng giao dịch:** Tầng 20, Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà nội
- **Điện thoại:** (84-24) 3834 3087 Fax: (84 24) 3834 5212
- **Website:** www.tlg.com.vn
- **Email:** tongthanglong.tlg@gmail.com
- **Vốn điều lệ đăng ký:** 419.080.000.000 đồng.
- **Vốn điều lệ thực góp:** 419.080.000.000 đồng.
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0100105020 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/07/2015.
- **Người đại diện theo pháp luật:** ông Nguyễn Đức Kiên - Tổng Giám đốc.
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210 (Chính)
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
5	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
6	Xây dựng nhà các loại	4100
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10	Cho thuê xe có động cơ	7710
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan + Thiết kế công trình cầu, đường bộ + Giám sát thi công xây dựng công trình cầu, đường bộ + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp + Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, dân dụng và công nghiệp + Giám sát công trình thủy lợi + Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình xây dựng (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề).	7110
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Thiết kế đồ họa	7410

▪ Sau khi hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN và được chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng theo văn bản số 5106/UBCK-QLPH ngày 15/09/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thăng Long – CTCP tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 2896/QĐ-TC ngày 06/07/1973 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải gồm nhiều xí nghiệp thành viên hạch toán tập trung với nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng cầu Thăng Long (1973-1985) - cây cầu lớn nhất thời bấy giờ có quy mô 2 tầng: tầng dưới là đường sắt và đường bộ, tầng trên là đường ô tô rộng 23m với tổng chiều dài toàn cầu trên 10km.

Ngày 19/02/1984, Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long.

Ngày 11/03/1992, Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện đã ra Quyết định số 395 đổi tên “Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long” thành “Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long”.

Đến năm 1995, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được tổ chức lại theo Quyết định số 4987/QĐ – TCCBLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 22/04/1998, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long theo Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 20/12/2006, Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 2854/QĐ-BGTVT thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long.

Đến năm 2010, Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ - BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đã thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty. Ngày 06/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Thăng Long thành công ty cổ phần. Căn cứ Phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Thăng Long đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 24/3/2014 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kết quả đấu giá như sau:

Số cổ phần đưa ra đấu giá: 12.305.300 cổ phần;

Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần;

Số lượng cổ phần bán được: 12.305.300 cổ phần;

Giá đấu thành công bình quân: 21.007 đồng/cổ phần.

Sau Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất tổ chức ngày 07/5/2014, Tổng công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Thăng Long – CTCP. Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần vào ngày 28/5/2014, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng.

Ngày 24/11/2014, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4, Tổng công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Thăng Long – CTCP như hiện nay.

Sau 44 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã xây dựng hàng trăm cây cầu lớn, hàng nghìn công trình dân dụng, công trình giao thông, bến cảng, sân bay.... như: cầu Kiền, cầu Sông Gianh, Cầu Phù Đổng, cầu Vĩnh Tuy, cầu Hoàng Long, cầu đường sắt, cầu Pá Uôn, Đường cao tốc Sài Gòn-Trung Lương, Đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, Đường cao tốc Hà

Nội – Thái Nguyên – Quốc lộ 3, các nút giao cầu vượt thép tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Tất cả các dự án trên dù ở nhiều điều kiện địa hình, địa chất phức tạp đều được triển khai thi công an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng, mỹ thuật, được các chủ đầu tư, tư vấn đánh giá cao.

Cùng với việc khẳng định thương hiệu của một trong những đơn vị dẫn đầu ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, Tổng công ty đã thể hiện hiệu quả vai trò nhà đầu tư thông qua các dự án tiêu biểu như: Dự án BOT cầu Yên Lệnh, Yên Lệnh - Vực Vòng, Dự án BOT đường 188...

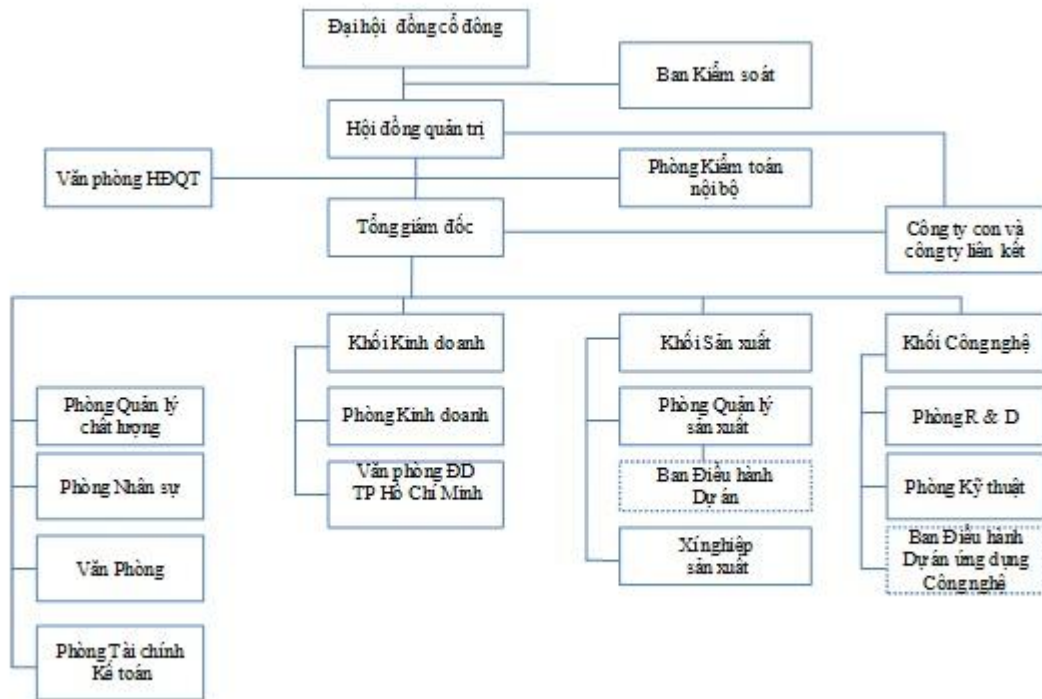
Với sự phát triển không ngừng trong hoạt động kinh doanh cũng như về quy mô tổ chức của Tổng công ty, việc cổ phần hóa, trở thành công ty đại chúng và tiến tới niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là hướng đi cần thiết và tất yếu của Tổng công ty Thăng Long – CTCP. Đây là các bước đi tích cực nhằm tạo ra những điều kiện tối ưu về quản trị doanh nghiệp, cũng như chuẩn bị để Tổng công ty đẩy mạnh các hoạt động.

1.3. Quá trình tăng vốn của Tổng công ty

STT	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 419,080 tỷ đồng					
1	14/5/2015	119.080 triệu đồng	419.080 triệu đồng	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (*): - Số cổ phần bán được: 11.908.000 cổ phần. - Giá phát hành: 12.075 đồng/CP. - Số nhà đầu tư mua cổ phần: 13 nhà đầu tư, trong đó bao gồm: 02 tổ chức trong nước và 11 cá nhân trong nước.	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 33/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2015 về việc thông qua việc phát hành tăng vốn điều lệ. Nghị quyết HĐQT số 72/NQ-HĐQT ngày 24/4/2015, số 73/NQ-HĐQT ngày 27/4/2015 về danh sách Nhà đầu tư được mua cổ phần. GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 6 ngày 21/5/2015. Văn bản số 1593/UBCK-QLPH ngày 06/04/2015 của UBCK Nhà nước về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tổng công ty. Văn bản số 2376/UBCK-QLPH ngày 19/5/2015 về báo cáo kết quả chào bán.

(*) Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT của HĐQT Tổng công ty Thăng Long ngày 19/3/2015, thời gian hạn chế chuyển nhượng là ít nhất 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tổng công ty đã hoàn thành đợt chào bán và có Báo cáo kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ ngày 14/5/2015 gửi UBCKNN. Tuy nhiên, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 10/5/2017 đã quyết định gỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với 13 nhà đầu tư mua phát hành riêng lẻ tăng vốn nêu trên. Đến nay, các hạn chế chuyển nhượng đối với đợt phát hành riêng lẻ đã được gỡ bỏ.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG – CTCP



Mô hình tổ chức của Tổng công ty được xây dựng theo mô hình công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty... Bộ máy quản lý Tổng công ty chia thành các Phòng chung và Khối chức năng nhiệm vụ, cụ thể mô hình tổ chức và bộ máy quản lý Tổng công ty hiện nay như sau:

Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đề nghị của Hội đồng quản trị, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
- + Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát;
- + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.

- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- + Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với mỗi loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- + Số lượng thành viên HĐQT;
- + Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- + Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và BKS;
- + Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- + Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
- + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
- + Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- + Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- + Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 khoản 1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- + Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng Công ty.

Ban Kiểm soát:

BKS gồm ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty;
- Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận và;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

Giúp việc Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng quản trị và Kiểm toán nội bộ.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động quản lý của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Quyền và nhiệm vụ của HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các quyền và nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua thỏa mãn được khách hàng, cổ đông, ban giám đốc và cán bộ công nhân viên.
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính định kỳ hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

- Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Yêu cầu Tổng giám đốc điều hành bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Tổng công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của các công ty thành viên khác trực thuộc Tổng công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Ban điều hành:

Có nhiệm vụ điều hành việc thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị đưa ra nhằm thực hiện các chiến lược, kế hoạch của Tổng công ty.

Ban điều hành của Tổng công ty Thăng Long - CTCP hiện tại bao gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Phòng Quản lý chất lượng: Chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của toàn hệ thống; nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng; tiếp nhận, xử lý các khuyến nghị cải tiến; theo dõi thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các cải tiến trong phạm vi toàn hệ thống; rà soát thường xuyên hệ thống văn bản quản lý chất lượng hiện hành, tổ chức cập nhật, xây dựng, chuyển giao các tài liệu (quy trình, quy định, ...)

Văn phòng: Có chức năng cung cấp hiệu quả các dịch vụ hành chính văn phòng; đảm bảo trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác điều hành và sản xuất luôn sẵn sàng, bảo mật và tiện lợi; đảm bảo quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trang thiết bị văn phòng; đảm bảo công tác văn thư, lưu trữ hiệu quả, đúng quy định; tham mưu, giúp việc cho

lãnh đạo Tổng công ty trong việc chỉ đạo, quản lý công tác hành chính, quản trị; quản lý trang thiết bị, tài sản; công tác hậu cần; công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền....

Phòng Nhân sự: Có trách nhiệm xây dựng chính sách, hệ thống quản lý nguồn nhân lực hiệu quả; quản lý và phát triển nguồn nhân lực hiệu quả; đảm bảo cung cấp hiệu quả các yêu cầu dịch vụ nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, bảo hiểm xã hội, và các chế độ đãi ngộ; đảm bảo tính tuân thủ các quy định của nội bộ và pháp luật đối với quan hệ lao động; chủ trì công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật nhân sự theo đúng quy chế của nội bộ và quy định của pháp luật...

Phòng Tài chính – Kế toán: tham mưu giúp HĐQT/TGĐ trong việc chỉ đạo và quản lý thống nhất các mặt hoạt động về tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng luật kế toán và các chính sách do Nhà nước ban hành; đảm bảo thực hiện công tác hạch toán kế toán và lưu trữ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán theo đúng các quy định; thực hiện giải ngân các khoản vay và thanh toán theo đúng quy định của Tổng công ty; kê khai và quyết toán các loại thuế liên quan, báo cáo thuế theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo hiệu quả việc thẩm định về mặt tài chính các dự án đầu tư; phân tích, đề xuất phương hướng, biện pháp cải tiến quản lý hoạt động tài chính kế toán hàng năm...

Văn Phòng HĐQT: Thực hiện nhiệm vụ điều phối hoạt động và các cuộc họp của HĐQT, xây dựng định hướng chiến lược, quản lý quan hệ cổ đông, quản lý hoạt động người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp, Kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông; Thường trực công bố thông tin...

Kiểm toán nội bộ: Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ Tổng công ty, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở kiểm toán hoạt động và tuân thủ theo luật kiểm toán. Tuân theo hoạt động và yêu cầu của Hội đồng Quản trị nhằm thực hiện các dự án kiểm toán bất thường đặc biệt. Cung cấp các đề xuất giúp cải thiện hiệu quả hoạt động và dịch vụ tham vấn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả và hiệu năng hoạt động của Tổng công ty.

Khối kinh doanh: bao gồm các phòng ban: Phòng Kinh doanh và Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh. Khối kinh doanh chịu trách nhiệm xúc tiến, tìm kiếm các hợp đồng, dự án mới cho Tổng công ty; đảm bảo hiệu quả công tác tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư các sản phẩm đầu tư; đảm bảo doanh số bán hàng sản phẩm đầu tư; kiểm soát chi phí Marketing và bán hàng sản phẩm đầu tư; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và trung hạn phù hợp với chiến lược kinh doanh và điều kiện thực tế...

Khối sản xuất: có ở miền Bắc và miền Nam, đây là 2 khối trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ thi công, sản xuất các công trình và dự án của Tổng công ty. Trong cơ cấu của khối bao gồm: Phòng Quản lý sản xuất, các Ban Điều hành dự án và các Xí nghiệp sản xuất. Nhiệm vụ của khối là đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng dự án; đảm bảo quản lý giá trị sản phẩm dở dang và

thu hồi công nợ hiệu quả, đảm bảo việc lựa chọn Nhà thầu phụ, đơn vị sản xuất trực tiếp và nhà cung ứng hiệu quả...

Khối công nghệ: Bao gồm phòng R&D, Phòng Kỹ thuật và Ban Điều hành dự án ứng dụng công nghệ. Khối công nghệ có trách nhiệm chủ trì xây dựng các phương án kỹ thuật trong Hồ sơ đấu thầu các dự án, chủ trì thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo huy động máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu của sản xuất; chịu trách nhiệm trong các hoạt động kỹ thuật công nghệ thi công, sản xuất, ứng dụng tại Tổng công ty. Chịu trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu và đề xuất các ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty...

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Tại thời điểm 30/06/2017, Tổng công ty có vốn đầu tư tại: 04 Công ty con và 07 Công ty liên doanh, liên kết (*Chi tiết được nêu cụ thể tại mục IV.4 Danh sách công ty mẹ, công ty con của Tổ chức niêm yết; những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết; công ty liên doanh, liên kết*).

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% TỔNG SỐ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY; CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% tổng số cổ phần của Công ty (tại ngày 22/09/2017)

STT	Họ và tên	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp (%)
1	Công ty cổ phần TASCO	0600264117	Tầng 4 Nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	14.838.949	35,41%
2	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	0101992921	Tầng 23, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	10.500.000	25,05%
3	Phạm Thế Hùng	013024567	E2103 The Manor, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	2.461.662	5,87%
4	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	1800278630	Số 77 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.000.000	7,16%
5	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	0103085460	Tầng 5, tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	3.000.000	7,16%
6	Mai Trọng Thịnh	036076000052	A3507, Keangnam, Dương Đình Nghệ, Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.661.963	11,12%
	Tổng cộng			38.462.574	91,77%

(Nguồn: Danh sách cổ đông lập ngày 22/09/2017 do VSD cung cấp)

3.2 Cổ đông sáng lập:

Tổng công ty Thăng Long – CTCP là doanh nghiệp được hình thành từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

3.3 Cơ cấu cổ đông Tổng Công ty (tại ngày 22/09/2017)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng/VĐL thực góp (%)
I	Cổ đông trong nước	268	41.908.000	99,87
1	Tổ chức	05	31.438.949	75,02
2	Cá nhân	263	10.414.751	24,85
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	-	54.300	0,13
	Tổng cộng	268	41.908.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông lập ngày 22/09/2017 do VSD cung cấp)



4. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT; NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT; CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

4.1 Danh sách công ty con và những công ty mà Tổng công ty Thăng Long - CTCP nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

■ **Danh sách công ty con tại ngày 30/06/2017**

TT	Tên doanh nghiệp	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Vốn điều lệ thực góp (VND)	Vốn thực góp theo mệnh giá của Tổng công ty (VND)	Tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty (%)
1	CTCP Cầu 1 Thăng Long	0104790948	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (nhà ở, nhà làm việc, văn phòng); Sản xuất vật liệu xây dựng; Nhập khẩu máy móc thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu xây dựng; Xuất khẩu các cấu kiện thép và bê tông cốt thép, vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản.	40.000.000.000	40.000.000.000	33.058.000.000	82,65
2	CTCP Cầu 3 Thăng Long	0100104517	Thôn Cổ Điện, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Xây dựng các công trình giao thông, đầu tư xây dựng các công trình: Cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, đô thị, khu công nghiệp, giao thông công chính	17.038.000.000	17.038.000.000	8.712.000.000	51,13
3	Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	0107257495	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Xây dựng các công trình giao thông	5.000.000.000	5.000.000.000	3.250.000.000	65,00
4	Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	0107258499	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Xây dựng các công trình giao thông	5.000.000.000	5.000.000.000	3.250.000.000	65,00

(Nguồn: TTL)



4.2 Danh sách công ty liên doanh liên kết tại ngày 30/6/2017

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Vốn điều lệ thực góp (VND)	Vốn thực góp theo mệnh giá của Tổng công ty vào doanh nghiệp (VND)	Tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty (%)
1	Công ty cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình	Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, Công trình công ích, dân dụng, Xây dựng nhà, khai thác vật liệu, sản xuất bê tông đúc sẵn	8.000.000.000	8.000.000.000	1.600.000.000	20,00%
2	Công ty cổ phần cầu 7 Thăng Long ^(***)	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, Thôn Tân Xuân, Xã Xuân Đình, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây dựng nhà, các công trình đường sắt đường bộ, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng, sản xuất bê tông, lắp đặt hệ thống xây dựng khác	56.000.000.000	56.000.000.000	20.160.000.000	36,00%
3	Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xã Xuân Đình, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bán buôn vật liệu, cho thuê máy móc thiết bị	15.000.000.000	15.000.000.000	5.400.000.000	36,00%
4	Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, Xã Ninh Sở, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	Sản xuất các cấu kiện kim loại, lắp ráp kết cấu thép	59.160.000.000	59.160.000.000	26.947.744.000	45,55%
5	Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bê tông tươi, lắp đặt trạm trộn, sản xuất cấu kiện bê tông	25.000.000.000	25.000.000.000	12.250.000.000	49,00%
6	Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh ^(*)	Đường Chu Mạnh Trinh, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình giao thông, quản lý cầu đường bộ, hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cầu đường bộ.	171.682.000.000	171.682.000.000	109.644.000.000	(*)
7	Công ty TNHH BOT Đường 188 ^(**)	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Xây dựng công trình, hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cầu đường bộ	81.000.000.000	81.000.000.000	17.844.300.000	22,03%



(*): Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11/5/2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,00%. Dự án đi vào khai thác kinh doanh từ năm 2005; dự kiến thời gian hoàn vốn là 21 năm 4 tháng (theo Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh ngày 27/9/2012), phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp;

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27/02/2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tỷ lệ 69,07%. Dự án đi vào khai thác kinh doanh từ năm 2017; dự kiến thời gian hoàn vốn là 15 năm 6 tháng, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp;

Giá trị đầu tư tại Dự án BOT Cầu Yên Lệnh như sau:

Nội dung	Giá trị đầu tư tại 30/6/2017 (VND)	
	Theo Phương pháp giá gốc	Theo phương pháp vốn chủ
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	109.644.000.000	125.369.728.055

(**) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng công ty Thăng Long – CTCP) và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nam Cường ngày 06/5/2004. Số vốn đầu tư của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300 đồng với tỷ lệ vốn góp là 22,03%. Dự án đi vào khai thác kinh doanh từ năm 2009; dự kiến thời gian hoàn vốn là 23 năm 7 tháng; phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp. Khoản đầu tư này trước đây đang được Tổng công ty hạch toán trên tài khoản công nợ, từ năm 2016, để kế toán chính xác nội dung của khoản đầu tư, khoản đầu tư trên đã được chuyển sang hạch toán là khoản đầu tư tài chính.

Giá trị đầu tư tại Dự án BOT Đường 188 nêu trên như sau:

Nội dung	Giá trị đầu tư tại 30/6/2017 (VND)	
	Theo Phương pháp giá gốc	Theo phương pháp vốn chủ
Công ty TNHH BOT Đường 188	17.844.300.000	27.834.767.957

(***) Trong Quý III/2017, Tổng công ty đã hoàn tất việc thoái hết phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần cầu 7 Thăng Long. (Nguồn: TTL)

4.3 Danh sách công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết: Không có.

5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

5.1 Sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty :

Là một đơn vị có truyền thống về xây dựng công trình giao thông, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đang tập trung vào các lĩnh vực chính như sau: Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và công nghiệp, dịch vụ phụ trợ xây dựng cầu đường.

Với trên 40 năm hình thành và phát triển, từ tiền thân là Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long, đến nay, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đã lớn mạnh, trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông không chỉ trong ngành giao thông vận tải mà vươn lên tầm quốc gia trong vai trò nhà thầu chủ lực. Tổng công ty Thăng Long – CTCP hiện có đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân lành nghề và đã ứng dụng được nhiều công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải. Tổng công ty được đánh giá là một trong những đơn vị xây lắp có nguồn lực tài chính và thi công thuộc loại chắc chắn, nhiều kinh nghiệm trong ngành giao thông vận tải. Hầu hết các công trình do Tổng công ty thi công đều đảm bảo tiến độ, được đánh giá cao về chất lượng và mỹ thuật.

Một số công trình và hình ảnh công trình tiêu biểu mà Tổng công ty Thăng Long đã thực hiện như sau:

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHD (Triệu Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
1	Cầu Thăng Long	TP Hà Nội	(*)	Bộ GTVT	1973	1985
2	Cầu Bến Thủy	TP Vinh	17.524	Bộ GTVT	1986	1990
3	Cầu Việt Trì	Phú Thọ	117.263	Bộ GTVT	1987	1995
4	Cầu Mẹt	Lạng Sơn	3.848	Bộ GTVT	1993	1996
5	Cầu Sông Gianh	Quảng Bình	21.323	Ban QLDA 85 - Bộ GTVT	1995	1998
6	Cầu Hoàng Long và cầu Hàm Rồng vượt - Gói thầu 4 - Dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (tỉnh Thanh Hoá)	Thanh Hóa	165.540	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	1997	2000
7	6 cầu đoạn Hà Nội - Vinh Gói thầu 1 - Dự	Từ Hà Nam - Nghệ An	309.971	Ban QLDA 18 - Bộ	1996	2000

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Triệu Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
	án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (Từ tỉnh Hà Nam đến tỉnh Nghệ An)			GTVT		
8	6 cầu đường sắt - Gói thầu 2 - Dự án cải tạo và nâng cấp cầu đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh -	Từ Hà Tĩnh - Bình Định	238.309	Ban QLDA đường sắt - Bộ GTVT	1998	2000
9	Cầu Trung Hà - Quốc lộ 3 (Tỉnh Hà Tây)	Hà Tây	84.970	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	1999	2002
10	Cầu Kiên - Gói thầu B5 - Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 10 (TP Hải Phòng)	QL10 - Hải Phòng	316.422	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2003
11	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km 164+000 - Km 321+000 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị	Từ Thanh Hóa - Quảng Trị	677.086	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh - Bộ GTVT	2000	2003
12	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1: đoạn Nội Bài - Bắc Ninh (làm mới)	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	433.839	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2001	2003
13	Cầu Bồng Sơn, Bàn Thạch, Đà Rằng, Tam Giang và Diêu Trì - Gói thầu 3 Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 1 (giai đoạn II-3)	Quốc lộ 1	616.680	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2004
14	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1A: Mở rộng đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	583.065	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2005	2008
15	Cầu Vĩnh Tuy	Hà Nội	310.973	Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn	2005	2009
16	Dự án đường ô tô cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương	TP HCM và Long An	1.200.000	Ban QLDA Mỹ Thuận - Bộ GTVT	2005	2009
17	Dự án xây dựng cầu Sông Hồng (Thanh	Hà Nội	993.351	Ban QLDA Thăng Long -	2008	2010

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Triệu Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
	Tri) - Gói thầu 3A: Cầu cạn Pháp Vân kéo dài			Bộ GTVT		
18	Dự án xây dựng cầu Thanh Trì (cầu Sông Hồng) - Gói thầu 6: cầu Phù Đổng II	Hà Nội	495.025	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	2008	2012
19	Dự án XD đường vành đai 3 (giai đoạn 2) - Gói thầu 3: đoạn Thanh Xuân - Bắc hồ Linh Đàm	Hà Nội	1.338.000	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	2010	2012
20	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu CP2: 10 cầu đường sắt	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	1.087.000	Ban QLDA đường sắt - TCT đường sắt Việt Nam	2010	2012
21	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu CP1D: 7 cầu đường sắt	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	662.479	Ban QLDA đường sắt - TCT đường sắt Việt Nam	2011	2013
22	Hợp đồng số 81/HĐ- XD. Gói thầu số 12: Xây dựng cầu dẫn Đông Trù phía Đông Anh và đường gom phía đê Bắc Đuống từ Km14+200 đến Km14+796 thuộc dự án Xây dựng đường 5 kéo dài	Hà Nội	738.163	Ban Quản lý dự án Hạ Tầng Tả Ngạn	2006	2014
23	Hợp đồng số 2068/HĐ-PMUTL. Gói thầu số 1: Xây dựng hoàn chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với QL5	Hà Nội	817.488	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	2014	2015
24	04 gói thầu Quốc lộ 1 đoạn Nha Trang - Khánh Hòa	Khánh Hòa	414.112	Ban QLDA 7	2013	2015
25	Hợp đồng số 173/HĐ-KQL2- QLDA3 xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía	TP Hồ Chí Minh	570.880	Khu Quản lý Giao Thông đô thị số 2	2014	2016

TT	Tên công trình	Địa điểm	GTHĐ (Triệu Đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
	Đông					

(*): Công trình được triển khai, đầu tư qua thời gian dài và nhiều giai đoạn.

Nguồn: TTL



Hình ảnh 1: Đường vành đai 3
Đoạn Thanh Xuân - Bắc Linh Đàm
(2010-2012)



Hình ảnh 2: Cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung
Lương. Thi công các đường và cầu trên tuyến
(2005-2008)



Hình ảnh 3: Đường Nội Bài - Bắc Ninh
Dự án cải tạo QL18 (2001-2003)



Hình ảnh 4: Cảng Chân mây
Thừa Thiên Huế - 2006



Hình ảnh 5: Cảng hàng không Nội Bài
Hoàn thành năm 2000



Hình ảnh 6: Cầu vượt đường sắt
Cầu vượt đường sắt Vinh - Nghệ An (2014)



Hình ảnh 7: Cầu Sông Gianh
Cầu bắc qua Sông Gianh - Quảng bình Ninh
đúc hẫng 120m



Hình ảnh 8: Dự án Cầu dây văng Thác Giề
Cầu dây văng tại Bắc kạn do Thăng long tự
thiết kế và thi công (2001)



Hình ảnh 9: Cầu Cần Thơ
Gói thầu P1- cầu dẫn phía Vĩnh Long thuộc
dự án cầu Cần thơ (2005-2009)



Hình ảnh 10: Dự án Cầu Kiên - Hải Phòng.
Cầu dây văng đầu tiên ở
khu vực phía Bắc

Trong năm 2015 và năm 2016, Công ty mẹ Tổng công ty đã hoàn thành nhiều dự án quan trọng và được chủ đầu tư nghiệm thu như:

- Gói thầu PK1A, PK2 thuộc dự án Xây dựng mới đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên;
- Gói thầu xây dựng Dự án cầu Đông Trù; Cầu vượt đường sắt Thành phố Vinh - Nghệ An; Gói thầu xây dựng cầu vượt nút giao Nguyễn Chí Thanh - Láng; Dự án CP3A- 6 cầu đường sắt; Dự án xây dựng nút giao giữa DA nút giao Cầu Thanh trì với QL5
- Dự án Cầu Thắm - QL10 tỉnh Thanh Hóa
- Dự án xây dựng nút giao nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng – Văn Điển
- Dự án Cầu Tân Phong trên QL21B tỉnh Nam Định
- Dự án Cầu Rạch Chiếc trên vành đai phía Đông...vv

5.2 Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp

5.2.1 Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng hoá	13.708.979.010	0,64	0	0	0	0
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.184.731.587	0,80	16.687.164.946	0,87	10.943.073.751	2,25
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	2.124.800.498.658	98,56	1.899.861.465.170	99,13	476.406.131.899	97,75
Tổng cộng	2.155.694.209.255	100	1.916.548.630.116	100	487.349.205.650	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty mẹ Tổng công ty Thăng Long – CTCP, chiếm phần lớn (khoảng 97- 99%) là doanh thu hoạt động xây dựng từ các gói thầu, dự án thi công công trình giao thông như cầu, đường, hạ tầng sân bay, bến cảng... Tổng công ty sau khi cạnh tranh và trúng thầu sẽ trực tiếp tổ chức thi công hoặc kết hợp cùng các nhà thầu phụ truyền thống (chủ yếu là các công ty con, công ty liên kết) của Tổng công ty như CTCP Cầu 1 Thăng Long, CTCP Cầu 3 Thăng Long, CTCP Cầu 21 Thăng Long, CTCP Cầu 35 Thăng Long, CTCP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long, CTCP Xây dựng số 15 Thăng Long, CTCP Xây dựng số 16 Thăng Long ...vv tiến hành thi công hoàn thiện công trình.

Ngoài ra, Công ty mẹ Tổng công ty còn có Doanh thu thuần từ bán hàng hoá là các vật tư, thiết bị kỹ thuật nhập khẩu như: cáp, gói cầu, neo dự ứng lực cho các đơn vị thành viên...; và Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ như: sử dụng ván khuôn đúc bó via tại các dự án; cung cấp điện tại công trường, phí đo đạc phục vụ thi công tại các công trình, doanh thu cho thuê đất, văn phòng, kho xưởng ...

Năm 2016, Tổng công ty hạch toán doanh thu đối với khối lượng công việc được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán, trong đó có một số công trình doanh thu lớn như: Dự án (DA) cải tạo Quốc lộ 10 Hải Phòng; DA nút giao Xuân Phương – tuyến đường Lê Đức Thọ đến đường 70; DA XD từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng QL38; Gói 4 DA đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; DA QL1A Nha Trang - Khánh Hòa,... Tuy nhiên, có một số công trình bị Chủ đầu tư cắt giảm giá trị quyết toán như: DA Sài Gòn Trung Lương, Cầu Kỳ Lam,.. và do vướng mặt bằng thi công Dự án xây dựng nâng cấp Quốc lộ 10 làm ảnh hưởng đến việc thi công và tiến độ ghi nhận doanh thu trong kỳ nên doanh thu thuần giảm 11% so với năm 2015.

Cơ cấu doanh thu thuần Tổng công ty hợp nhất

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng hoá	13.708.979.010	0,57	0	0	446.136.364	0,08
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.184.731.587	0,71	20.669.445.376	0,96	12.391.431.282	2,29
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	2.385.449.532.302	98,72	2.123.225.854.658	99,04	527.738.291.479	97,63
Tổng cộng	2.416.343.242.899	100	2.143.895.300.034	100	540.575.859.125	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt trên 2.143 tỷ đồng năm 2016, giảm 11,28% so với năm 2015. Về cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất Tổng công ty, chiếm phần lớn là doanh thu thuần hợp đồng xây dựng (97%-99%), phần còn lại là doanh thu thuần cung cấp dịch vụ. Cơ cấu này tương đồng với cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ, phản ánh sự giống nhau trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Ngoài ra, doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2015, 2016 lần lượt bằng 89,21% và 89,40% doanh thu thuần hợp nhất Tổng công ty. Năm 2016, Công ty mẹ phát sinh chi phí thầu phụ lên tới 1.740 tỷ đồng do Công ty mẹ Tổng công ty chủ yếu thực hiện các công trình qua các nhà thầu phụ là các công ty con và đơn vị thành viên.

5.2.2 Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT(%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT(%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT(%)
Bán hàng hoá	863.897.893	0,04	0	0	0	0
Cung cấp dịch vụ	4.894.063.331	0,23	8.692.241.774	0,45	3.480.194.685	0,71
Hợp đồng xây dựng	230.796.959.866	10,71	37.200.154.503	1,94	14.112.620.769	2,90
Tổng cộng	236.554.921.090	10,98	45.892.396.277	2,39	17.592.815.454	3,61

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Trong cả kỳ năm 2016, Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ - Tổng công ty đạt hơn 45,89 tỷ đồng, giảm 80,60% so với năm 2015. Lợi nhuận gộp năm 2016 giảm so với năm 2015 do

Công ty mẹ Tổng công ty kết chuyển giá vốn các công trình đã quyết toán khi sáp nhập xí nghiệp 1 và xí nghiệp 3 về Công ty mẹ và một số dự án đã thi công xong nên kết chuyển toàn bộ chi phí còn lại như Gói 3A Cầu Thanh trì, Bắc Ninh – Nội Bài giai đoạn 2, Dự án đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông, Cầu Phù Đổng.... Bên cạnh đó, việc phát sinh chi phí thực tế thi công các công trình tăng và Dự án QL1 Nha Trang - Khánh Hòa phát sinh chi phí sửa chữa hư hỏng mặt đường, trong khi đó một số công trình bị Chủ đầu tư cắt giảm giá trị quyết toán như: DA Sài Gòn Trung Lương, Cầu Kỳ Lam,... đã góp phần làm giảm lợi nhuận gộp của Tổng công ty.

Năm 2016, tỉ trọng (so với doanh thu thuần) lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng giảm so với năm 2015, từ 10,71% xuống 1,94%, thay vào đó là sự gia tăng tỉ trọng đóng góp vào lợi nhuận gộp của mảng cung cấp dịch vụ.

Cơ cấu lợi nhuận gộp Tổng công ty hợp nhất

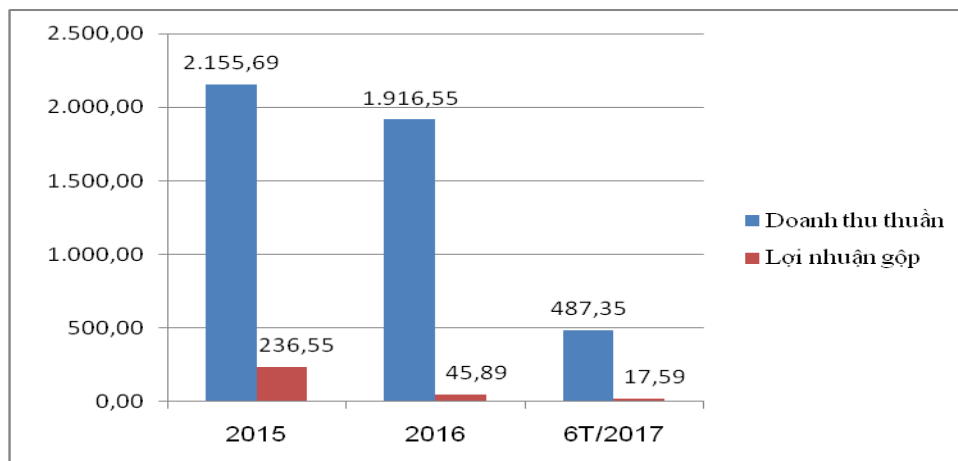
Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
Bán hàng hoá	863.897.893	0,04	0	0	10.023.140	0,002
Cung cấp dịch vụ	4.894.063.331	0,20	11.593.381.737	0,54	4.016.811.657	0,74
Hợp đồng xây dựng	277.126.029.013	11,47	78.046.361.205	3,64	28.264.801.404	5,23
Tổng cộng	282.883.990.237	11,71	89.639.742.942	4,18	32.291.636.201	5,972

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Lợi nhuận gộp hợp nhất Tổng công ty năm 2016 đạt gần 89,64 tỷ đồng, giảm 68,31% so với năm 2015. Hoạt động xây dựng các công trình giao thông: cầu, đường, hạ tầng giao thông khác là hoạt động mang lại lợi nhuận gộp lớn nhất cho toàn Tổng công ty.

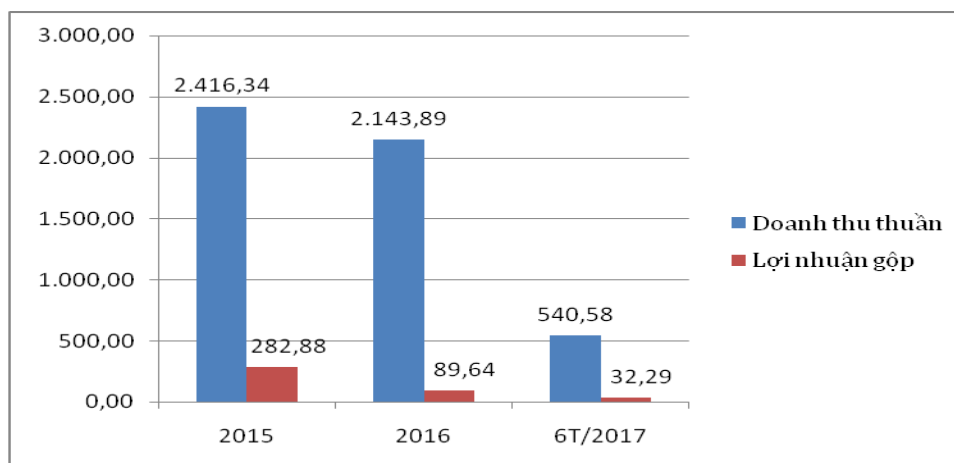
Biểu đồ doanh thu thuần – lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2015–2016 và 6T/2017

(Đvt. Tỷ đồng)



Biểu đồ doanh thu thuần – lợi nhuận gộp Tổng công ty hợp nhất năm 2015 – 2016 và 6T/2017

(Đvt. Tỷ đồng)



5.3 Cơ cấu tổng doanh thu

Cơ cấu tổng doanh thu Công ty mẹ

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	2.155.694.209.255	98,16	1.916.548.630.116	94,90	487.349.205.650	92,71
Doanh thu tài chính	37.565.908.384	1,71	83.160.918.811	4,12	36.844.557.368	7,01
Thu nhập khác	2.847.629.995	0,13	19.732.774.984	0,98	1.457.500.439	0,28
Tổng cộng	2.196.107.747.634	100	2.019.442.323.911	100	525.651.263.457	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 của TTL)

Trong năm 2016, mặc dù Công ty mẹ Tổng công ty ghi nhận mức doanh thu thuần giảm 11,09% so với năm 2015, tuy nhiên tổng doanh thu đạt trên 2.019 tỷ đồng và chỉ giảm 8,04% so với năm 2015 chủ yếu do:

- Thu nhập khác năm 2016 đạt 19,73 tỷ, tăng 592,95% so với năm 2015 chủ yếu do Công ty mẹ Tổng công ty đã tiến hành thanh lý, nhượng bán các TSCĐ là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý đã hết khấu hao với nguyên giá theo dõi trên sổ sách kế toán là 58,89 tỷ đồng và đem lại hơn 15,79 tỷ đồng thu nhập khác.

- Doanh thu tài chính Công ty mẹ Tổng công ty năm 2016 tăng 121,37% so với năm 2015 chủ yếu nhờ khoản lợi nhuận tích lũy được chia tại Công ty TNHH BOT đường 188 (31 tỷ đồng) và Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh (hơn 16,07 tỷ đồng).

Tổng công ty Thăng Long – CTCP hiện nay đang có vốn góp tại 02 Công ty triển khai dự án BOT là: Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh và Công ty TNHH BOT đường 188 (Thông tin chi tiết về khoản đầu tư của Tổng công ty tại 02 Công ty này đã được trình bày tại Mục IV.4.2 Danh sách công ty liên kết của tổ chức niêm yết). Các Công ty này đã hoàn thành và đang quản lý, khai thác hiệu quả tốt tại các dự án BOT được giao. Lợi nhuận Tổng công ty ghi nhận từ các dự án BOT qua các năm gần đây như sau:

Đơn vị: Đồng

Stt	Công ty	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng đầu năm 2017
1	Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	4.972.000.000	16.070.183.487	19.941.809.237
2	Công ty TNHH BOT Đường 188	-	31.000.636.860	2.187.220.136
	Cộng	4.972.000.000	47.070.820.347	22.129.029.373

Năm 2016, Công ty mẹ Tổng công ty ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ các dự án BOT tăng 846,72% so với 2015 chủ yếu do:

- Đối với dự án BOT đường 188:

Tại Công ty TNHH BOT đường 188, do tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty thấp (22,03%) nên theo nguyên tắc thận trọng, Công ty chỉ hạch toán lợi nhuận khi có quyết định của Hội đồng thành viên. Từ năm 2015 trở về trước, hàng tháng, Công ty TNHH BOT đường 188 đều tạm chuyển tiền thu phí về các thành viên liên doanh tham gia góp vốn nhưng chưa có thông báo/quyết định phân chia lợi nhuận. Đối chiếu với các quy định của Chuẩn mực kế toán và quy định của chế độ kế toán hiện hành, Tổng công ty không có căn cứ hạch toán lợi nhuận thu được từ khoản đầu tư này, khoản tiền nhận được nêu trên hạch toán vào tài khoản 3388 (Phải trả khác). Trong năm 2016, Hội đồng thành viên Công ty TNHH BOT đường 188 đã có các Quyết định số 02/2016/NQ-HĐTV ngày 29/3/2016 và Quyết định số 03/2016/NQ-HĐTV ngày 28/4/2016 về việc phân chia lợi nhuận tích lũy từ khi dự án đi vào hoạt động cho các thành viên góp vốn, do vậy, Tổng công ty đã hạch toán toàn bộ lợi nhuận thu được từ khi dự án hoạt động vào doanh thu tài chính năm 2016, cụ thể như sau:

Lợi nhuận phát sinh năm 2016: 8.132.879.964 đồng;

Lợi nhuận phát sinh từ năm 2015 trở về trước được ghi nhận vào năm 2016: 22.867.756.896 đồng

- Đối với dự án BOT Cầu Yên Lệnh: Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2016: 16.070.183.487 đồng là toàn bộ lợi nhuận từ hoạt động đầu tư dự án năm 2016. Năm 2016, do lưu lượng xe qua các dự án BOT của Công ty được cải thiện và dự án BOT được chấp thuận nâng mức thu phí để hoàn

vốn cho Dự án BOT đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng theo Thông tư 123/2016/TT-BTC ngày 22/7/2016 của Bộ Tài Chính nên lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty TNHH BOT Yên Lệnh tăng hơn 3,23 lần so với năm 2015.

Tương tự dự án BOT đường 188, hàng tháng, Công ty TNHH BOT Yên Lệnh đều tạm chuyển tiền thu phí về các thành viên liên doanh tham gia góp vốn nhưng chưa có thông báo/quyết định phân chia lợi nhuận. Năm 2016, Hội đồng thành viên Công ty TNHH BOT Yên Lệnh mới có Quyết định số 02/QĐ-HĐTV ngày 06/6/2016 về việc phân chia lợi nhuận từ khi dự án bắt đầu hoạt động cho đến hết năm 2015 cho các thành viên góp vốn, tuy nhiên do tại Công ty TNHH BOT Yên Lệnh, theo tỷ lệ góp vốn, Tổng công ty nắm quyền chi phối nên lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty TNHH BOT Yên Lệnh được Tổng công ty ghi nhận hàng năm căn cứ số tiền thu phí Công ty TNHH BOT Yên Lệnh tạm chuyển cho Tổng công ty.

Nguyên tắc/phương pháp tính giá trị thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ các Dự án BOT:

Tổng công ty đang lựa chọn nguyên tắc/phương pháp tính giá trị thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận tại các dự án BOT mà Tổng công ty tham gia như sau:

$$\text{Chi phí đầu tư thu hồi hàng năm} = \frac{\text{Giá trị thu hồi vốn đầu tư từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc dự án}}{\text{Tổng doanh thu thu phí theo Phương án tài chính tương ứng phần vốn góp của Tổng công ty tính từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án}} \times \frac{\text{Doanh thu thu phí hàng năm tương ứng phần vốn góp của Tổng công ty}}{\text{Tổng công ty}}$$

$$\text{Lợi nhuận trong kỳ} = \text{Số tiền thu phí được chuyển trong kỳ} - \text{Giá trị thu hồi vốn đầu tư trong kỳ}$$

Nguyên tắc tính giá trị thu hồi vốn đầu tư tại các dự án BOT cầu Yên Lệnh và BOT đường 188 được Tổng công ty bắt đầu áp dụng từ năm 2016. Đến nay, Tổng công ty chưa thay đổi nguyên tắc/phương pháp tính giá trị thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ các Dự án BOT đã áp dụng.

Trước năm 2016, tại dự án BOT Cầu Yên Lệnh, Tổng công ty đã hạch toán lợi nhuận trên toàn bộ số tiền thu phí được chia. Năm 2016, trên số tiền thu phí được chia trong năm, Tổng công ty đã hạch toán bổ sung giá trị thu hồi vốn đầu tư của các năm trước, số tiền còn lại được hạch toán vào lợi nhuận. Tại dự án BOT đường 188, trên tổng số tiền thu phí được chia từ khi dự án bắt đầu hoạt động đến hết năm 2015 đang hạch toán trên tài khoản Phải trả khác, Tổng công ty đã hạch toán bổ sung giá trị thu hồi vốn đầu tư của các năm trước, số tiền còn lại được hạch toán toàn bộ vào lợi nhuận.

Cơ cấu tổng doanh thu Tổng công ty hợp nhất

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	2.416.343.242.899	98,20	2.143.895.300.034	95,67	540.575.859.125	93,86
Doanh thu tài chính	36.094.173.422	1,47	79.343.222.507	3,54	32.992.730.233	5,73
Thu nhập khác	8.257.869.500	0,34	17.675.244.001	0,79	2.349.817.529	0,41
Tổng cộng	2.460.695.285.821	100	2.240.913.766.542	100	575.918.406.887	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Tổng doanh thu hợp nhất Tổng công ty năm 2016 đạt trên 2.240 tỷ đồng, giảm 8,93% so với năm 2015 chủ yếu do doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 giảm 11,28% so với năm 2015, trong khi đó doanh thu tài chính và thu nhập khác tăng lần lượt 119,82% và 114,04%.

5.4 Nguyên vật liệu

Hiện nay, nguồn nguyên vật liệu của Tổng công ty chủ yếu là các nguyên vật liệu chuyên dùng cho thi công công trình giao thông như: sắt, thép, xi măng, bê tông, nhựa đường, cáp, gổì cầu, neo dự ứng lực,....

5.4.1 Nguồn nguyên vật liệu:

Để giảm thiểu chi phí vận chuyển, Tổng công ty thường nhập nguyên vật liệu (xi măng, sắt, thép...) đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại địa bàn mà Tổng công ty thi công dự án (hoặc vùng lân cận); một số nguồn cung cấp vật liệu cáp, gổì cầu, neo, nhựa đường, dự ứng lực thường là hàng nhập ngoại.

5.4.2 Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Các mặt hàng nguyên vật liệu đầu vào Tổng công ty thường dùng là các mặt hàng có nguồn cung cấp ổn định và phong phú nên Tổng công ty chủ động được nguồn hàng hóa đầu vào. Ngoài ra, Tổng công ty cũng thiết lập được mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng nên giảm thiểu được các rủi ro phát sinh do sự thay đổi của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu quan trọng cho Tổng công ty là:

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	The Siam Industrial Wire Co., Ltd. (Thái Lan)	Cáp dự ứng lực
2	Southern PC Steel Sdn Bhd. (Malaysia)	Cáp dự ứng lực
3	Công ty cơ khí OVM Liễu Châu (Trung Quốc)	Gổì cầu, neo dự ứng lực

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
4	VSL (Thuy Sĩ)	Neo, cáp dự ứng lực
5	Công ty TNHH MTV bê tông TRANSMECO	Bê tông
6	Công ty TNHH bê tông Thăng Long - Mê Kông	Bê tông
7	Công ty TNHH Tân Cơ	Thép
8	Công ty TNHH Miền Nam	Thép

5.4.3 Ảnh hưởng giá cả nguyên vật liệu đến lợi nhuận:

Các nguyên vật liệu đầu vào luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá vốn của doanh nghiệp xây dựng giao thông do đó việc tăng giá thành nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận của Tổng công ty. Ước tính nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khoảng 65% giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, Tổng công ty thường có dự báo trước về nhu cầu nguyên vật liệu cần dùng trong năm và dự phòng biện pháp đặt hàng hoặc ký hợp đồng cung ứng sao cho giảm thiểu tối đa rủi ro của việc tăng giá nguyên vật liệu, đảm bảo việc cắt giảm chi phí nhưng vẫn chủ động trong hoạt động thi công, xây lắp.

5.5 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty mẹ:

STT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	6T/2017
1	Giá vốn hàng bán	1.919.139.288.165	1.870.656.233.839	469.756.390.196
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	89,03%	97,61%	96,39%
2	Chi phí tài chính	45.066.157.887	17.334.948.014	4.907.814.766
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	2,09%	0,90%	1,01%
3	Chi phí bán hàng	0	0	0
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	0	0	0
4	Chi phí quản lý DN	152.907.062.252	69.160.557.629	25.775.288.967
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	7,09%	3,61%	5,29%
	Tổng cộng	2.117.112.508.304	1.957.151.739.482	500.439.493.929
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	98,21%	102,12%	102,69%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Cơ cấu chi phí sản xuất Tổng công ty hợp nhất:

STT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	6T/2017
1	Giá vốn hàng bán	2.133.459.252.662	2.054.255.557.092	508.284.222.924
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	88,29%	95,82%	94,03%
2	Chi phí tài chính	40.796.216.628	35.765.717.574	8.229.372.470
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	1,69%	1,67%	1,52%
3	Chi phí bán hàng	0	0	0
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	0	0	0
4	Chi phí quản lý	182.655.079.695	97.202.147.741	37.928.570.097
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	7,56%	4,53%	7,02%
	Tổng cộng	2.356.910.548.985	2.187.223.422.407	554.442.165.491
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	97,54%	102,02%	102,57%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Tỷ trọng chi phí sản xuất so với doanh thu thuần của Công ty mẹ - Tổng công ty đã tăng lên từ 98,21% năm 2015 lên 102,12% năm 2016 chủ yếu do tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Công ty mẹ - Tổng công ty tăng từ 89,03% năm 2015 lên 97,61% năm 2016.

Trong khi đó, chi phí tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty đã giảm từ hơn 45 tỷ đồng năm 2015 (chiếm 2,09% doanh thu thuần) xuống hơn 17 tỷ đồng năm 2016 (chiếm 0,9% doanh thu thuần) do Tổng công ty tăng tự chủ về tài chính nên giảm vay vốn, đồng thời chi phí các khoản vay thời gian gần đây của Công ty đã giảm theo xu hướng giảm lãi suất cho vay. Ngoài ra, trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (hơn 9,751 tỷ đồng) do thoái vốn tại CTCP Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long, CTCP Xây dựng số 9 Thăng Long, CTCP Tư vấn Xây dựng công trình Thăng Long và CTCP Xây dựng số 12 Thăng Long.

Chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty cũng giảm từ gần 153 tỷ đồng năm 2015 (chiếm 7,09% doanh thu thuần) xuống còn hơn 69 tỷ đồng năm 2016 (chiếm 3,61% doanh thu thuần) do trong năm 2015 Công ty mẹ Tổng công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 82.388.291.128 đồng, trong khi năm 2016 chỉ trích lập 2.861.331.531 đồng. Mặt khác năm 2016, Công ty đã thực hiện tinh giản nhân sự và tiết kiệm các chi phí.

- Từ sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Tổng công ty đã tích cực quản lý các chi phí, áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật thi công mới để đẩy nhanh tiến độ, giảm giá vốn

hàng bán. Trước tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị chào thầu, để đảm bảo hoàn thành đúng và vượt tiến độ Tổng công ty chịu áp lực lớn buộc phải hạ giá cung cấp dịch vụ hoặc cắt giảm tỷ lệ lợi nhuận để trúng thầu và hoàn thành dự án. So sánh tỷ trọng % tổng chi phí so với doanh thu thuần tại Công ty mẹ của một số doanh nghiệp cùng ngành như sau:

Doanh nghiệp	Tỷ trọng % tổng chi phí so với DTT	Tỷ trọng % tổng chi phí so với DTT
	2015	2016
Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 6 - CTCP	100,42%	99,22%
Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - CTCP	99,60%	102,27
Công ty cổ phần Tasco (HUT)	88,74%	77,07%
Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE)	93,99%	97,99%
Bình quân	95,69%	94,14%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán Công ty mẹ năm 2016 của các doanh nghiệp)

Tổng công ty là nhà thầu xây dựng giao thông uy tín, các chi phí sản xuất kinh doanh có tính cạnh tranh so với nhiều doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực, nhờ đó Tổng công ty đã tham gia đấu thầu và trúng nhiều gói thầu lớn như:

- Dự án xây dựng từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng Quốc lộ 38 (BOT);
- Dự án xây dựng cầu Rạch Chiếc trên Vành đai phía Đông Tp. Hồ Chí Minh, Dự án cầu vượt thép nút giao ngã 6 Gò Vấp; nhánh Nguyễn Oanh - Nguyễn Kiệm; Dự án nút giao Xuân Phương - tuyến đường Lê Đức Thọ đến đường 70;...vv

Năm 2016 và 2017, Tổng công ty liên tục được Bộ GTVT đánh giá là nhà thầu đạt yêu cầu tham gia xây lắp các dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước tại các gói thầu Tổng công ty đã tham gia và thuộc nhóm 3 nhà thầu đã thi công nhiều gói thầu nhất.

Tuy nhiên, qua bảng trên có thể thấy, Công ty mẹ Tổng công ty đang có tổng chi phí sản xuất tương đương với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – CTCP và vẫn còn cao so với mức trung bình của các doanh nghiệp được so sánh. Theo đó, Tổng công ty cần nỗ lực cắt giảm chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5.6 Trình độ công nghệ

Là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông, Tổng công ty luôn xác định việc ứng dụng các công nghệ khoa học trong thi công các công trình giao thông vận tải là trọng tâm, bên cạnh đó Tổng công ty luôn chú trọng đến việc ứng dụng những công nghệ hiện đại vào hoạt động quản lý, kinh doanh của toàn hệ thống.

Tổng công ty Thăng long - CTCP đã tiếp thu được nhiều kinh nghiệm và làm chủ các công nghệ, kỹ thuật thi công tiên tiến ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, điển hình như:

- Công nghệ thi công các khối hộp đúc sẵn theo phương pháp “phân đoạn ván khuôn”, công nghệ thi công phần thân tháp của trụ dây văng có khung thép định vị hệ neo cáp dây văng theo không gian 3 chiều...
- Công nghệ thi công cọc khoan nhồi trên cạn và dưới nước với đường kính cọc từ 1.500 - 2.000 mm;
- Công nghệ thi công dầm Bê tông cốt thép dự ứng lực đúc sẵn khẩu độ lớn loại tiết diện chữ “T”, “I” dầm Super T, Công nghệ dầm hộp đúc tại chỗ trên đà giáo, Công nghệ đúc hẫng cân bằng khẩu độ nhịp từ 60 – 120 m. Công nghệ thi công cọc đất gia cố xi măng, tường chắn đất có cốt; công nghệ thi công mặt đường bê tông Asphalt, mặt đường Bê tông xi măng... tại nhiều dự án đường cấp cao, đường cao tốc.
- Công nghệ thi công cọc vít : Về lĩnh vực hợp tác chuyển giao công nghệ với tập đoàn NIPPON STEEL & SUMIKIN ENGINEERING, trong năm 2016 hai bên đã hoàn thành Dự án đầu tiên có sử dụng Kết cấu móng cọc vít là Cầu vượt Hoàng Minh Giám – Nguyễn Chánh. Công tác chuyển giao công nghệ cho Tổng công ty Thăng Long – CTCP cũng đang được từng bước thực hiện, trong khoảng thời gian tháng 10/2016 Khóa đào tạo Cọc vít đầu tiên đã kết thúc với 12 thành viên được cấp chứng chỉ thi công. Tiếp theo trong giai đoạn này cả hai bên đang tích cực triển khai thực hiện gói thầu Đường vành đai 3 trên cao đoạn Mai Dịch – Nam Thăng Long. Dự kiến công trình này sẽ bắt đầu thi công vào khoảng thời gian giữa năm 2017.

Bên cạnh việc ứng dụng những thành tựu của khoa học thi công công trình giao thông hiện đại, Tổng công ty còn tập trung vào việc ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và ứng dụng các phần mềm chuyên ngành mới vào hoạt động tư vấn, thiết kế và thi công của Tổng công ty.

5.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông, một lĩnh vực rất nhiều cạnh tranh, Tổng công ty Thăng Long – CTCP luôn xác định công tác nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm mới trong lĩnh vực thi công là ưu tiên quan trọng để duy trì vị trí đầu ngành. Tổng công ty đang tổng kết thực tế, nghiên cứu những vấn đề mới để xây dựng công nghệ mới áp dụng cho tương lai. Tổng công ty đã thành lập phòng R&D có trách nhiệm chính là nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Tổng công ty đang tiếp cận nghiên cứu công nghệ thi công đường sắt trên cao, công nghệ thi công hầm cho đường tàu điện ngầm và hầm cho đường bộ; nghiên cứu cải tiến biện pháp thi công để đẩy nhanh tiến độ cũng như chất lượng công trình.

5.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một

doanh nghiệp, Tổng công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Bộ GTVT về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Tổng công ty đã xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Tổng công ty tham gia thi công. Hiện nay, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; hệ thống quản lý môi trường ISO 14001-2007, hệ thống an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001-2007 và hệ thống cải tiến chất lượng Kaizen 5S trong quản trị và điều hành doanh nghiệp.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Tổng công ty thường xuyên tiến hành các biện pháp cụ thể như sau:

- Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật;
- Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm;
- Công tác quản lý chất lượng được báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác;
- Phối hợp với đơn vị thi công đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công;
- Công tác quản lý chất lượng của từng công trình được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công.

5.9 Hoạt động Marketing

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao và quảng bá thương hiệu Tổng công ty Thăng Long đến các khách hàng và đối tác tiềm năng trong và ngoài nước, Tổng công ty đang từng bước chú trọng đến hoạt động Marketing, trước hết là bề dày truyền thống hoạt động và uy tín, chất lượng tại các công trình đã và đang thi công của Tổng công ty.

Với định hướng đó, các hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào các yếu tố sau:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm thi công và chăm sóc khách hàng;
- + Tổng công ty hướng đến thiết lập và phát triển mối quan hệ hợp tác hiệu quả với tất cả các bên liên quan như chủ đầu tư, đối tác, tư vấn giám sát... để đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả và bền vững.
- + Duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và đối tác sẵn có, cung cấp các dịch vụ bảo

hành, bảo trì cho các công trình và chăm sóc khách hàng sau khi các hợp đồng đã hoàn thành.

- + Không ngừng nỗ lực tạo ra các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ.
- + Xây dựng chính sách giá linh hoạt, duy trì mức giá chào thầu có tính cạnh tranh cao trong khi vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm thi công.
- Xây dựng và Quảng bá thương hiệu: Hiện nay, Tổng công ty đã và đang xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính nhất quán, và đặc trưng. Triển khai sâu rộng hệ thống nhận diện thương hiệu, tập trung thực hiện đồng bộ hoá các ấn phẩm văn phòng, các biểu mẫu giao dịch... theo quy chuẩn đã được ban hành nhằm tăng cường mức độ nhận biết của khách hàng và xã hội đối với thương hiệu Tổng công ty Thăng Long - CTCP.
- Tổ chức thông tin, giới thiệu, quảng bá các dự án tiêu biểu mà Tổng công ty Thăng Long đã hoàn thành cũng như các dự án chính đang và sắp triển khai.

5.10 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty



Thanh nhận diện thương hiệu của Tổng công ty:



Hiện tại, Nhân hiệu thương mại của Tổng công ty Thăng Long đã được cấp chứng nhận đăng ký theo Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 271241 theo Quyết định số 72248/QĐ-SHTT ngày 09/11/2016 và số 271242 theo Quyết định số 72249/QĐ-SHTT ngày 09/11/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ.

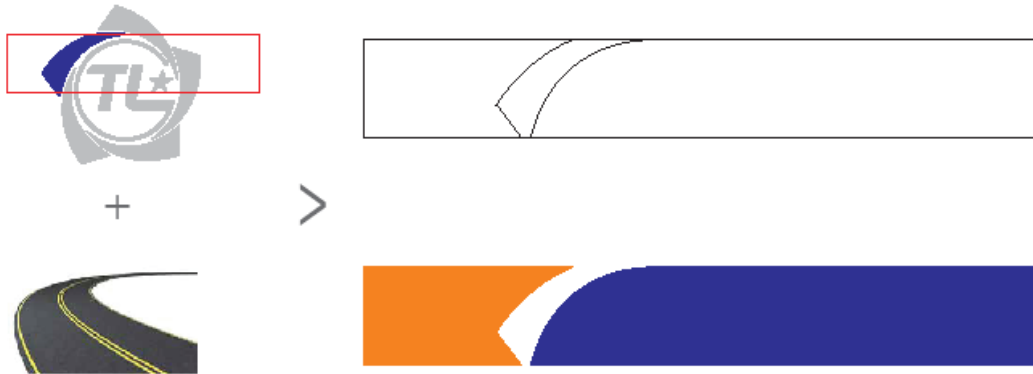
Logo của Tổng công ty Thăng Long – CTCP được thiết kế với các đường nét khoẻ khoắn, hiện đại và nổi bật, dựa trên hai màu chủ đạo là màu xanh dương và màu cam.

- Màu xanh tạo biểu tượng cho sự tận tâm và tính chuyên nghiệp.
- Màu cam, ngôi sao và chữ TL - Thăng Long cách điệu biểu tượng cho sự kế thừa truyền thống, phát huy các giá trị vững chắc xuyên suốt chiều dài lịch sử của doanh nghiệp như: tinh thần đoàn kết, chất lượng, tiên độ...

Yếu tố đồ họa đặc trưng:

Các yếu tố đồ họa được triển khai từ dấu hiệu đặc trưng của Logo, tạo sự liên tưởng mạnh mẽ tới thương hiệu Tổng công ty Thăng Long – CTCP. Ngoài ra yếu tố đồ họa còn thể hiện hình ảnh con đường, sự khởi đầu, hướng phát triển,... thể hiện cho lĩnh vực hoạt động

chính của Tổng công ty.



5.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Giá trị HĐ (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
1	Hợp đồng ngày 14/7/2013. Gói thầu 3A: Cầu Kỳ lam - Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	1.416.238	10/2013 - 11/2016	Xây dựng Cầu đường	Tổng công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
2	Hợp đồng VNR-B-11A. Gói thầu CP3A - Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TPHCM	645.320	12/2013 - 3/2016	Xây dựng Cầu đường	Ban QLDA đường sắt - TCT đường sắt Việt Nam
3	Hợp đồng số 20/2015/HĐTC-TASCO.HP. Gói thầu số 08: Thi công xây dựng công trình đoạn từ Km25+500- Km36+900 và Km38+900 - Km58+200 Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, TP Hải Phòng	1.380.000	T7/2015 - T6/2017	Xây dựng Cầu đường	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng
4	Hợp đồng số 64/2016/HĐXD-Tasco. Công trình Đoạn Km1+484,32 - Km2+133,26 (Nút giao Xuân Phương)	300.575	T6/2016 - T4/2017	Xây dựng Cầu đường	Công ty CP Tasco

TT	Tên hợp đồng	Giá trị HĐ (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
5	Hợp đồng số 284/HĐXD-VEC/2014. Gói thầu 4: Cầu Kỳ lam - Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	2.066.895	T7/2014 - T7/2017	Xây dựng Cầu đường	Tổng công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)

(Nguồn: TTL)

6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ tăng/giảm 2016/2015	6T/2017
Tổng giá trị tài sản	1.698.450.954.562	1.560.760.213.873	-8,11%	1.267.405.065.517
Vốn chủ sở hữu	540.215.325.824	542.308.970.785	0,39%	513.681.759.681
Doanh thu thuần	2.155.694.209.255	1.916.548.630.116	-11,09%	487.349.205.650
Lợi nhuận gộp	236.554.921.090	45.892.396.277	-80,60%	17.592.815.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	76.147.609.335	42.557.809.445	-44,11%	23.754.269.089
Lợi nhuận khác	-1.729.057.463	12.644.423.300		(33.936.271)
Lợi nhuận trước thuế	74.418.551.872	55.202.232.745	-25,82%	23.720.332.818
Lợi nhuận sau thuế	58.711.756.125	54.318.084.961	-7,48%	22.974.969.609
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85,54%	92,46%		-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	13,01%	10,04%		

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ tăng/giảm 2016/2015	6T/2017
Tổng giá trị tài sản	1.972.081.009.538	1.779.916.907.715	-9,74%	1.513.513.846.785
Vốn chủ sở hữu	569.213.680.306	584.926.933.534	2,76%	547.377.888.803

Vốn chủ sở hữu loại trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát	555.974.321.463	567.555.515.577	2,08%	532.357.724.739
Doanh thu thuần	2.416.343.242.899	2.143.895.300.034	-11,28%	540.575.859.125
Lợi nhuận gộp	282.883.990.237	89.639.742.942	-68,31%	32.291.636.201
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102.823.804.080	59.491.642.974	-42,14%	19.126.423.867
Lợi nhuận khác	424.819.830	8.560.122.439	1.915%	(384.023.806)
Lợi nhuận trước thuế	103.248.623.910	68.051.765.413	-34,09%	18.742.400.061
Lợi nhuận sau thuế	85.060.398.824	66.303.876.840	-22,05%	16.297.526.998
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>1.929.917.462</i>	<i>2.066.423.721</i>	<i>7,07%</i>	<i>(647.089.444)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>83.130.481.362</i>	<i>64.237.453.119</i>	<i>-22,73%</i>	<i>16.944.616.442</i>
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức ^(*)	60,42%	78,19%		-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân ^(*)	18,28%	11,43%		

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

(*): Chỉ tính trên LNST và Vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ

Năm 2016, Tổng công ty tiếp tục quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, áp dụng mạnh mẽ và quyết liệt các biện pháp nâng cao chất lượng, tiến độ thi công gắn với việc quyết toán và thanh toán công trình hoàn thành như: Gói thầu PK1A, PK2 thuộc dự án Xây dựng mới đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; Gói thầu xây dựng Dự án cầu Đông Trù; Cầu vượt đường sắt Thành phố Vinh - Nghệ An; Gói thầu xây dựng cầu vượt nút giao Nguyễn Chí Thanh - Láng;...vv nên doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2016 mặc dù giảm 11,09% so với 2015 song vẫn đạt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Năm 2016, lợi nhuận gộp Công ty mẹ giảm hơn 80,60%, tuy nhiên nhờ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia năm 2016 hơn 65,36 tỷ đồng (tăng 815,1% so với 2015) và khoản thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ đã hết khấu hao mang lại thu nhập hơn 15,79 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ chỉ giảm 7,48% so với 2015. Bên cạnh đó, năm 2016, Công ty mẹ Tổng công ty có chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hơn 884 triệu đồng, bằng 5,63% so với năm 2015, do trong năm 2016 lợi nhuận của Công ty mẹ Tổng công ty chủ yếu là từ cổ tức, lợi nhuận được chia.

Tổng tài sản năm 2016 của Công ty mẹ và Hợp nhất Tổng công ty giảm so với năm 2015, do liên quan tới một số chỉ tiêu hàng tồn kho, tài sản cố định, trong đó: Chỉ tiêu hàng tồn kho giảm, chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm mạnh, do Tổng công ty đã quyết liệt tập trung vào công tác giải quyết giá trị dở dang để được nghiệm thu với Chủ đầu tư. TSCĐ giảm do trong năm Tổng công ty thực hiện thanh lý một số máy móc thiết bị, phương

tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý đã hết khấu hao với tổng nguyên giá hơn 58,88 tỷ đồng.

Năm 2016, doanh thu thuần hợp nhất Tổng công ty giảm 11,28% so với năm 2015, chủ yếu do doanh thu thuần của Công ty mẹ giảm 11,09% so với 2015. Trong khi đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ tại Báo cáo tài chính hợp nhất giảm tới 22,73% so với năm 2015 chủ yếu do phát sinh các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng thêm khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, các dự án được quyết toán và ghi nhận doanh thu với chủ đầu tư còn chậm, đồng thời các dự án lớn năm 2017 của Tổng công ty chưa đẩy mạnh triển khai, do đó doanh thu thuần Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đạt 55,39% so với cùng kỳ năm 2016. Tuy nhiên, nhờ lãi suất cho vay giảm nên Chi phí tài chính chỉ bằng 45,05% so với cùng kỳ 2016 và Tổng công ty cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (bằng 71,53% so với cùng kỳ 2016) nên Công ty mẹ đạt hơn 22,97 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 55,52% so với cùng kỳ 2016.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, các Công ty con của Tổng công ty hoạt động chưa hiệu quả, Công ty cổ phần Cầu 1 Thăng Long bị lỗ nên lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bị âm hơn 647 triệu đồng.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những nhân tố thuận lợi

- **Uy tín Công ty:** Là một doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thi công các công trình cầu, đường và hạ tầng giao thông, trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty Thăng Long - CTCP tự hào với chất lượng và tiến độ hoàn thành các công trình giao thông được giao. Hiện nay, Tổng công ty đã thiết lập được mối quan hệ liên danh, liên kết với nhiều doanh nghiệp quốc tế lớn của Nhật Bản, Trung Quốc...
- Là một trong những Tổng công ty lớn trong ngành giao thông với tiền thân là doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty luôn được các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo trong quá trình xây dựng và phát triển.
- **Nguồn nhân lực:** Bên cạnh đội ngũ lãnh đạo giỏi, bản lĩnh, Tổng công ty Thăng Long còn sở hữu lực lượng cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, làm việc chuyên nghiệp, năng động và có trách nhiệm cao đối với công việc, luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc các dự án được giao. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát huy được chất xám của đội ngũ tri thức trong Tổng công ty.
- **Năng lực thi công, quản lý dự án:** Hiện nay, Tổng công ty Thăng Long đang sở hữu các dây chuyền công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo thi công được các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: cầu dây văng, cầu đúc hẫng cân bằng, hầm đường bộ, cầu trên biển, đường

cao tốc v.v...; Và đã có năng lực, kinh nghiệm trong đầu tư, quản lý, khai thác các dự án theo hình thức hợp đồng BOT.

Những thách thức

- **Các đối thủ cạnh tranh:** Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, các Tập đoàn và doanh nghiệp lớn của nước ngoài cũng tham gia cạnh tranh tại các dự án thi công các công trình giao thông. Bên cạnh đó, sự nổi lên mạnh mẽ của các đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp tư nhân khác trong nước với tiềm lực về vốn, nhân lực và công nghệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- **Nguồn vốn thực hiện dự án:** Các công trình của Tổng công ty phần lớn được thực hiện từ nguồn Ngân sách nhà nước, trong một số thời điểm, các chính sách của nhà nước như hạn chế đầu tư công, kiểm chế lạm phát ảnh hưởng đến một số công trình đơn vị trúng thầu. Các công trình này chậm được bố trí vốn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và việc làm của lao động Tổng công ty. Bên cạnh đó, tình hình lãi suất cho vay ở một số thời điểm vẫn còn cao, điều kiện cho vay khó khăn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của Tổng công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Một số đơn vị thành viên còn khó khăn:** một số Công ty liên kết của Tổng công ty còn nhiều khó khăn, thiếu hụt nguồn vốn để đáp ứng các yêu cầu về tiến độ thi công, nghiệm thu thanh toán và có tình hình sản xuất kinh doanh thua lỗ khiến Tổng công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính như CTCP Xây dựng số 12 Thăng Long, CTCP Xây dựng số 8 Thăng Long...
- **Việc giải phóng mặt bằng:** Các công trình giao thông mặc dù đem lại lợi ích kinh tế, xã hội to lớn, tuy nhiên, trong quá trình thi công lại thường vấp phải vấn đề về giải phóng mặt bằng còn chậm. Tại các công trình chưa có mặt bằng thi công, tiến độ giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh tế của Tổng công ty.

7. VỊ THẾ CỦA TỔNG CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

7.1 Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Kể từ khi thành lập, Tổng công ty Thăng Long - CTCP đã từng bước tạo lập được vị trí vững chắc và xây dựng được uy tín của doanh nghiệp trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông. Tổng công ty đã trúng nhiều gói thầu và cùng tham gia xây dựng tại các công trình lớn, trọng điểm như: Cầu Thăng Long, Cầu Bến Thủy, Cầu Hoàng Long và cầu vượt Hàm Rồng, Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Trung Lương v.v.... Đây là các công trình trọng điểm, khẳng định chất lượng, uy tín của Tổng công ty và tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai của Tổng công ty.

Đối với lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hiện nay, Tổng công ty đang tập trung và khai thác các dự án được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa

phương, nguồn vốn ODA và dự án có nguồn vốn khác. Qua quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã tạo dựng được uy tín đối với các đối tác, được các đối tác đánh giá cao so với các doanh nghiệp trong ngành và ưu tiên mời tham gia dự thầu các công trình mới.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tại Quyết định số 355/QĐ/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, một số định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

- + Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, có trọng tâm trọng điểm, vừa có bước đi phù hợp vừa có bước đột phá theo hướng hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc. Coi trọng công tác bảo trì, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất lao động đảm bảo hiệu quả, bền vững trong khai thác kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.
- + Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có.
- + Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế.
- + Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt, hiệu quả.
- + Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Huy động tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Người sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm đóng góp phí sử dụng để bảo trì và tái đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp và chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:

- + Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ hàng năm đạt 3,5 - 4,5% GDP, trong đó ưu tiên cho những công trình trọng điểm.
- + Huy động tối đa mọi nguồn lực, tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông dưới nhiều hình thức như BOT, BT, BTO, PPP. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, giá, phí, lệ phí, nhượng quyền... để tăng tính thương mại của các dự án giao thông và trách nhiệm đóng góp của người sử dụng.
- + Thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA. Đẩy mạnh vận động các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo ra đột phá. Nghiên cứu có bước đi phù hợp để phát huy hiệu quả mô hình PPP giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với tài trợ ODA của các nước, các tổ chức quốc tế.
- + Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; tạo bước chuyển biến rõ rệt trong việc phân bổ nguồn vốn đầu tư giữa các lĩnh vực giao thông.

+ Tập trung vốn cho các công trình có tính lan tỏa, tạo sự kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa các công trình trong cùng hệ thống, tại các vùng kinh tế trọng điểm, các cửa ngõ quốc tế.

Với quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần được ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, đã mở ra triển vọng phát triển trong tương lai của ngành thi công các công trình giao thông vận tải và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới. Theo dự báo thì từ nay đến năm 2020, nhu cầu xây dựng phát triển giao thông vận tải của nước ta rất lớn, mỗi năm nhà nước sẽ đầu tư hàng chục nghìn tỷ đồng. Các nhà đầu tư trong nước và quốc tế cũng được Chính phủ khuyến khích thực hiện đầu tư cho các loại dự án hạ tầng giao thông vận tải lớn cả về vốn, quy mô và độ phức tạp kỹ thuật (như các dự án đường cao tốc, đường sắt đô thị, giao thông nội đô, cảng, sân bay...). Đây là thị trường lớn để Tổng công ty khai thác và phát triển.

7.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Một số chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Thăng Long với Công ty mẹ của các doanh nghiệp cùng ngành trong năm tài chính 2016 như sau:

Doanh nghiệp	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản (lần)	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	ROA	ROE
Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 6 - CTCP	0,52	1,10	0,41%	2,17%
Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - CTCP	0,77	3,44	0,86%	8,01%
Công ty cổ phần Tasco (HUT)	0,60	1,52	3,63%	19,83%
Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE)	0,72	2,55	0,48%	4,28%
Bình quân	0,65	2,15	1,35%	8,57%
Tổng công ty Xây dựng Thăng Long - CTCP	0,65	1,88	3,33%	10,04%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán Công ty mẹ năm 2016 của các doanh nghiệp)

Có thể thấy, so với một số doanh nghiệp hoạt động trong ngành nêu trên, Công ty mẹ Tổng công ty đang có hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản, Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tương đương và thấp hơn trung bình các doanh nghiệp. Tuy nhiên các chỉ tiêu ROA, ROE lại cao hơn, điều đó chứng tỏ Công ty mẹ - Tổng công ty đang khai thác tốt hơn tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Là Tổng công đầu ngành trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông vận tải, với hơn 40 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty đã khẳng định được uy tín và thương hiệu của đơn vị dẫn đầu ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, cụ thể:

Về tình hình tài chính: trong quá trình chuyển đổi thành công ty cổ phần, Tổng công ty đã rà soát toàn diện tình hình tài sản, công nợ của doanh nghiệp. Năm 2014, sau khi chính thức chuyển đổi, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tập trung đơn đốc công tác giải quyết khối lượng dở dang các dự án đang thực hiện, đẩy mạnh thu hồi công nợ; đánh giá và trích lập đầy đủ các khoản nợ phải thu khó đòi, dự phòng tài chính và triển khai quyết liệt công tác thoái vốn... Nhờ đó, tình hình tài chính Tổng công ty đã được phản ánh rõ ràng và nâng cao hiệu quả quản lý. So với các doanh nghiệp trong cùng ngành, Tổng công ty thuộc nhóm các doanh nghiệp đầu ngành có tình hình tài chính ổn định.

Về hoạt động kinh doanh: Tổng công ty Thăng Long – CTCP là một trong những đơn vị có uy tín hàng đầu trong các lĩnh vực thi công cầu, đường, sân bay, bến cảng... Liên tiếp hai năm 2016, 2017, Tổng công ty được Bộ Giao thông vận tải xếp vào danh sách các nhà thầu xây lắp đáp ứng điều kiện tham gia các dự án giao thông có sử dụng NSNN (theo Quyết định số 1483/QĐ-BGTVT ngày 13/5/2016 và Quyết định số 1614/QĐ-BGTVT ngày 01/6/2017). Cũng theo danh sách các doanh nghiệp tại các Quyết định nêu trên, với 15 gói thầu được thực hiện từ nguồn NSNN năm 2015, 14 gói thầu được thực hiện từ nguồn NSNN năm 2016, Tổng công ty Thăng Long – CTCP thuộc nhóm 3 Tổng công ty đáp ứng điều kiện tham gia các dự án giao thông có sử dụng NSNN và là một trong những doanh nghiệp có số gói thầu thi công nhiều nhất .

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Sau khi hoàn tất quá trình chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đã tập trung tái cấu trúc và đổi mới toàn diện, với định hướng nâng cao năng lực về vốn và kỹ năng quản trị, thi công... đáp ứng điều kiện tham gia các công trình và dự án trọng điểm. Định hướng này phù hợp với chính sách hiện nay của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới về xã hội hoá nguồn lực đầu tư các công trình giao thông theo các phương thức thế giới đã áp dụng như BT, BOT, PPP. Việc tái cấu trúc Tổng công ty sẽ huy động được các nguồn lực của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước góp phần đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng phát triển của Tổng công ty là xu hướng tất yếu nếu doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tạo lập uy tín và thương hiệu, để không chỉ đứng vững trên thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

8.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2016, số lượng cán bộ nhân viên của công ty mẹ Tổng công ty Thăng Long - CTCP là 91 người. Cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Trình độ trên Đại học	06	6,59%
Trình độ Đại học	79	86,81%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	04	4,40%
Trình độ sơ cấp	02	2,20%
Tổng số	91	100%

(Nguồn: Tổng công ty Thăng Long - CTCP)

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

– Về công tác tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút người lao động có năng lực và trình độ, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã nghiên cứu mô hình quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp để áp dụng vào điều kiện thực tế tại Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công việc. Các tiêu chuẩn chức danh được xây dựng thống nhất với phương pháp đánh giá công việc, theo đó mỗi vị trí công việc khi tuyển dụng cần đáp ứng các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khả năng và ý thức thái độ cần có để người đảm nhận vị trí công việc có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở các tiêu chuẩn chức danh, Tổng công ty Thăng Long - CTCP thực hiện việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự thông qua các bước sơ tuyển hồ sơ, thi tuyển và phỏng vấn. Ngoài ra các vị trí quản lý và kinh doanh còn cần trải qua bài kiểm tra tình huống, trong đó ứng viên được đặt vào tình huống mô phỏng các vấn đề thực tế sẽ phát sinh để qua đó thể hiện rõ nét hơn các kỹ năng, khả năng cần có.

– Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Tổng công ty Thăng Long – CTCP hiện nay đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả lao động mới gia nhập đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Tổng công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Tổng công

ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình tự học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi CBNV và luôn tạo điều kiện hết sức để CBNV có cơ hội tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác.

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Thời gian làm việc của Tổng công ty được thực hiện theo quy định của Luật lao động. CBNV được nghỉ Lễ và Tết theo quy định. Các chế độ trợ cấp trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản được đảm bảo đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Đã trả lương theo kết quả hoàn thành công việc (BSC) hàng tháng, quý nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Tổng công ty.

Thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Tổng công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Hàng năm, Tổng công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc vào sự phát triển và lớn mạnh của Tổng công ty.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa doanh nghiệp như tổ chức Teambuilding, du lịch nước ngoài thu hút được đông đảo CBNV tham gia.

9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tùy thuộc vào kết quả và chiến lược kinh doanh, Công ty mẹ - Tổng công ty sẽ quyết định việc chi trả cổ tức hàng năm. Hình thức và tỷ lệ cổ tức chi trả sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty. Việc chi trả cổ tức phụ thuộc vào lợi nhuận, tình hình dòng tiền, tình hình tài chính, các yếu tố khác của Tổng công ty. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau đây:

Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Tình hình chi trả cổ tức các năm qua của Tổng công ty Thăng Long như sau:

Stt	Năm tài chính	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Ghi chú
1	2014	7%	Bằng tiền (đã thanh toán).
2	2015	12%	Bằng tiền (đã thanh toán).
3	2016	12%	Bằng tiền (đã thanh toán).

Nguồn: TTL

10. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính và tuân theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian trích khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản cố định tại Tổng công ty như sau:

STT	Nội dung	Tại BCTC Công ty mẹ	Tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty
1	Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm	06 – 25 năm
2	Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm	05 – 12 năm
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm	06 – 10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm	03 – 10 năm
5	QSD đất không thời hạn	-	Không trích khấu hao
6	Phần mềm máy tính	03 năm	03 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán Tổng công ty

b. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của Tổng công ty khá cao so với các đơn vị cùng ngành. Thu nhập bình quân qua các năm như sau:

Năm	2014	2015	2016
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	12.000.000	15.000.000	16.000.000

Nguồn: TTL

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Tính đến nay, Tổng công ty không có khoản nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo quy định của Nhà nước.

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	7.228.823.742	-	-
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.486.342.434	-	-
3	Thuế Thu nhập cá nhân	1.047.569.266	330.158.512	242.468.699
4	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	17.756.117	17.756.117	17.756.117
5	Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	5.457.906.218	5.204.624.037	5.204.624.037
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.238.397.777	5.552.538.666	5.464.848.853

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Trong năm tài chính 2016, Công ty mẹ - Tổng công ty đã nộp thừa 915.081.256 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác 5.204.624.037 đồng của Công ty mẹ là khoản tiền phạt chậm nộp thuế của Xí nghiệp Thăng Long 1.

Tại BCTC Tổng công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	14.616.086.451	9.892.056.448	8.843.983.907
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.234.040.865	2.450.038.278	2.736.441.252
3	Thuế Thu nhập cá nhân	1.162.115.941	409.068.472	259.697.709
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	978.859.620	537.644.077	871.198.059
5	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	17.756.117	12.713.898.311	12.604.180.710
6	Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	18.248.837.990	5.204.624.037	5.204.624.037
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	51.257.696.984	31.207.329.623	30.520.125.674

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Năm 2016, khoản Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác của Tổng công ty phát sinh tăng, đạt hơn 12,71 tỷ đồng chủ yếu do Công ty mẹ Tổng công ty rà soát và chuyển khoản mục khoản phạt thuế của Công ty cổ phần Cầu 3 Thăng Long từ mục các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác sang khoản mục hiện nay.

Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác có số dư 5,204 tỷ đồng, chủ yếu là khoản tiền

phạt chậm nộp thuế GTGT của Xí nghiệp 1

e. Trích lập các quỹ theo quy định

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và pháp luật hiện hành. Số dư trích lập các quỹ của Tổng công ty qua các năm như sau:

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.026.676.841	3.616.771.691	4.479.673.404
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.340.893.154	16.828.209.279	19.544.113.527
	Tổng cộng	12.367.569.995	20.444.980.970	24.023.786.931

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Tại BCTC Tổng công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.292.948.051	3.863.428.217	5.500.760.946
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.826.647.912	17.876.022.551	21.940.440.513
	Tổng cộng	13.119.595.963	21.739.450.768	27.441.201.459

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

f. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Tổng công ty trong thời gian qua như sau:

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	180.074.798.442	62.256.945.982	37.683.626.760
	Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Thăng Long (a)	33.790.774.012	18.845.306.622	19.800.000.000
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Hà Nội (b)	101.922.941.208	31.282.949.560	17.883.626.760
	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN, CN Nam Hà Nội	-	12.128.689.800	
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở	44.361.083.222	-	-
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	142.947.274.045	62.354.220.019	56.292.788.436

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thăng Long (c)</i>	11.350.890.450	9.350.890.450	3.289.458.867
	<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Đông Đa (d)</i>	131.596.383.595	53.003.329.569	53.003.329.569
	Tổng cộng	323.022.072.487	124.611.166.001	93.976.415.196

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T2017 công ty mẹ của TTL)

▪ Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty mẹ - Tổng công ty có các khoản vay từ các ngân hàng như sau:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 80311.16.054.1368337.TD ngày 14 tháng 10 năm 2016, để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 700.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 13 tháng 10 năm 2017, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công công trình do Ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/2016/HĐHM-PN/SHB.110213 ngày 23 tháng 11 năm 2016, để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 700.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 23 tháng 11 năm 2017, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu/quyền đòi nợ từ các công trình Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tài trợ.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền thu từ khối lượng các công trình, nguồn vốn khấu hao tài sản, thiết bị và các nguồn thu hợp pháp khác, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đông Đa theo hợp đồng số 45.15.0025/HĐTD ngày 24 tháng 02 năm 2015, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng Nguồn thu từ dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh”, thời hạn 42 tháng lãi suất được thỏa thuận cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ hơn 180 tỷ đồng cuối năm 2015 xuống hơn 37, 683 tỷ đồng cuối Quý II/2017, Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm từ hơn 142,9 tỷ đồng cuối năm 2015) xuống hơn 56,29 tỷ đồng cuối Quý II/2017 nhờ Tổng công ty đã kiểm soát tốt dòng tiền, thu hồi được công nợ để trả các khoản gốc và lãi vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính.

Tại BCTC Tổng công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
A	Vay và nợ ngắn hạn	266.215.859.810	132.868.759.946	118.654.366.674
-	Vay ngắn hạn ngân hàng	259.733.834.571	129.483.072.446	114.189.941.310
	<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long (a)</i>	33.790.774.012	18.845.306.622	19.800.000.000
	<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Hà Nội (b)</i>	101.922.941.208	31.282.949.560	17.883.626.760
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Hà Nội</i>	-	12.128.689.800	
	<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Trung Hòa – Nhân Chính (c)</i>			375.990.400
	<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở</i>	44.361.083.222	-	-
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tây Hồ (d)</i>	36.196.618.631	36.038.094.599	22.359.079.538
	<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Huế (e)</i>	29.325.987.498	13.600.393.641	31.020.963.612
	<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội</i>	-	3.993.315.224	-
	<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đông Anh (f)</i>	14.136.430.000	7.125.994.000	21.009.207.000
	<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (g)</i>	-	6.468.329.000	1.741.074.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	886.224.000	996.684.500	1.420.292.364
	<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Sở GD (h)</i>	721.224.000	831.684.500	1.282.792.364
	<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (i)</i>	165.000.000	165.000.000	137.500.000
-	Vay đối tượng khác	5.595.801.239	2.389.003.000	3.044.133.000
	<i>Vay cán bộ công nhân viên</i>	5.595.801.239	2.389.003.000	3.044.133.000
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	145.772.788.045	63.933.168.831	57.904.052.748
	<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt – SGD(h)</i>	2.605.514.000	1.523.948.812	692.264.312
	<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long (i)</i>	220.000.000	55.000.000	
	<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Cầu Giấy (j)</i>			919.000.000
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thăng Long (k)</i>	11.350.890.450	9.350.890.450	3.289.458.867

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
	<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Đồng Đa (l)</i>	131.596.383.595	53.003.329.569	53.003.329.569
	Tổng cộng	411.988.647.855	196.801.928.777	176.558.419.422

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

▪ Tại thời điểm 30/06/2017, BCTC Hợp nhất Tổng công ty có các khoản vay từ các ngân hàng như sau:

Các khoản vay nêu tại mục (a), (b), (k), (l) là các khoản vay của Công ty mẹ và đã được thuyết minh tại mục dư nợ vay của Công ty mẹ nêu trên.

(c) Là khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Trung Hòa – Nhân Chính theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 119/2017/HDHM-PN/SHB.111901 này 14/6/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng và xây lắp công trình. Tổng giá trị hạn mức tín dụng là 14.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất trong kỳ là 8.21%/năm. Hợp đồng này được đảm bảo bằng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota mang biển kiểm soát 29A-65915.

(d) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/134637/HĐTD ngày 11 tháng 8 năm 2015 nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 40.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

(e) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Huế theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 140715-262989-01-SME ngày 27 tháng 7 năm 2015 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất thi công công trình xây dựng. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà đất và quyền đòi nợ.

(f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng cấp tín dụng số 133370.15.031.1609391.TD ký ngày 17 tháng 12 năm 2015 và hợp đồng cấp tín dụng số 91465.16.031.1609391.TD ký ngày 14 tháng 12 năm 2016 với mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị. Lãi suất vay trong năm từ 8,8%/năm đến 9,1%/năm.

(g) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 266427-2016/HĐHMTD/CAU 3 TL-VPB ngày 03 tháng 8 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động Xây lắp của Công ty. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành. Lãi suất vay trong năm từ 8,6%/năm đến 9%/năm.

(h) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(i) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 36 tháng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 11,2%/năm sau đó điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(j) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Cầu Giấy theo hợp đồng tín dụng số 00DN1116 HĐTD.2047 ngày 25/5/2017 có hạn mức 919.000.000 đồng với mục đích để mua xe ô tô. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ, Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-76103 của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại tại 30/6/2017 lần lượt là 1.249.663.000 đồng và 1.239.249.142 đồng.

g. Hàng tồn kho

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Hàng tồn kho	186.500.994.716	98.445.918.011	102.220.825.977
	Nguyên liệu, vật liệu	547.137.242	134.494.383	134.494.383
	Công cụ, dụng cụ	139.069.897	106.582.268	106.582.268
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	185.814.787.577	98.204.841.360	101.979.749.326
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng	186.500.994.716	98.445.918.011	102.220.825.977

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Trong năm 2016 có nhiều công trình được quyết toán nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang kết chuyển nhiều, giảm gần 87,61 tỷ đồng so với cuối năm 2015.

Tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
1	Hàng tồn kho	281.671.762.378	149.379.929.404	206.380.970.338
	Nguyên liệu, vật liệu	4.019.727.113	2.541.677.552	25.682.634.452
	Công cụ, dụng cụ	547.513.372	303.779.110	1.573.464.866
	Hàng hóa			1.148.454.545
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	277.104.521.893	146.534.472.742	177.976.416.475

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng	281.671.762.378	149.379.929.404	206.380.970.338

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 của TTL)

h. Tình hình công nợ hiện nay

✚ Các khoản phải thu

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.103.608.018.747	629.328.308.505	394.755.669.939
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.028.102.351	474.190.457.382	410.985.993.610
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn			10.000.000.000
4	Các khoản phải thu khác	67.099.505.499	65.787.007.598	63.169.542.191
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(129.777.191.127)	(127.874.725.047)	(127.874.725.047)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng các khoản phải thu	1.060.958.435.470	1.041.431.048.438	751.036.480.693
	Tổng tài sản	1.698.450.954.562	1.560.760.213.873	1.267.405.065.517
	<i>Tỷ trọng các khoản phải thu so với Tổng tài sản (%)</i>	62,47%	66,73%	59,26%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Trong các năm qua, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã giảm mạnh, từ 1.103,6 tỷ đồng (cuối 2015) xuống 629,3 tỷ đồng (cuối 2016) và 394,76 tỷ đồng tại 30/6/2017 nhờ Tổng công ty đã làm tốt công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ của các khách hàng, đồng thời Tổng công ty điều chỉnh hạch toán các khoản tạm ứng cho nhà thầu phụ trị giá 246 tỷ đồng từ khoản mục Phải thu khách hàng (tài khoản 131) sang khoản mục Trả trước cho người bán (tài khoản 331).

Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng từ hơn 20 tỷ đồng (cuối 2015) lên hơn 474 tỷ đồng (cuối 2016) và hơn 410 tỷ đồng cuối Quý II/2017 do Tổng công ty tăng các khoản ứng trước cho các nhà thầu để thi công dự án, đáp ứng tiến độ như: CTCP Xây dựng số 12 Thăng Long; các CTCP Cầu 1, Cầu 3, Cầu 21, Cầu 35 Thăng Long...và thay đổi cách hạch toán các khoản tạm ứng cho nhà thầu phụ.

Chi tiết các khoản Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại BCTC Công ty Mẹ - Tổng

công ty tại 31/12/2016 như sau:

Stt	Nội dung	Khoản nợ		Giá trị dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
		Giá gốc	Đánh giá giá trị có thể thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Công ty cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	19.563.645.656	14.167.615.901	5.396.029.755
2	Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	45.503.893.539	9.656.141.852	35.847.751.687
3	Công ty cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	82.576.216.575	13.594.669.058	68.981.547.517
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	20.653.048.115	3.003.652.027	17.649.396.088
	Tổng cộng	168.296.803.885	40.422.078.838	127.874.725.047

Công nợ khó đòi của các Công ty trên đều là các khoản phải thu quá hạn thanh toán do Tổng công ty ứng trước và cho các đơn vị trên vay để thi công công trình (các nhà thầu phụ). Trong năm 2016, Tổng công ty chưa phát sinh các công trình được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán có liên quan đến các nhà thầu phụ nêu trên, tuy nhiên Tổng công ty đánh giá các công nợ này là có thể thu hồi qua giá trị xây lắp các công trình do các đơn vị trên thi công khi được Chủ đầu tư nghiệm thu và quyết toán với Tổng công ty Thăng Long.

Tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu khách hàng	1.189.930.502.551	731.071.323.077	486.648.670.986
2	Trả trước cho người bán	44.498.445.064	442.776.098.122	360.583.036.111
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	10.000.000.000
4	Các khoản phải thu khác	87.932.005.406	85.989.427.745	82.372.492.885
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(131.463.254.530)	(134.258.794.735)	(134.258.794.735)
	Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	1.190.897.698.491	1.125.578.054.209	805.345.405.247
II	Các khoản phải thu dài hạn			50.000.000
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	50.000.000
	Tổng cộng các khoản phải thu	1.190.897.698.491	1.125.578.054.209	805.395.405.247

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn			
	Tổng tài sản	1.972.081.009.538	1.779.916.907.715	1.513.513.846.785
	Tỷ trọng các khoản phải thu so với Tổng tài sản (%)	60,39%	63,24%	53,21%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Tổng các khoản phải thu của Tổng công ty tuy có giảm qua các năm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng khá lớn so với tổng tài sản: Các khoản phải thu Công ty mẹ năm 2015 chiếm 62,47%, năm 2016 chiếm 66,73%, 6 tháng đầu năm 2017 chiếm 59,26%; đối với Tổng công ty hợp nhất, năm 2015 các khoản phải thu chiếm 60,39%, năm 2016 chiếm 63,24% và 6 tháng đầu năm 2017 chiếm 53,21%. Các khoản phải thu của Tổng công ty có giá trị lớn do đặc thù của lĩnh vực thi công các công trình giao thông, đặc biệt là các công trình có giá trị lớn mà Tổng công ty trúng thầu, đó là: các khoản phải thu các chủ đầu tư có giá trị cao, các khoản trả trước cho các nhà thầu phụ, đối tác thực hiện lớn...

Đối với các khoản phải thu từ khách hàng:

Các khoản phải thu từ khách hàng chủ yếu là khoản phải thu từ một số các công ty thành viên của Tổng công ty và các chủ đầu tư dự án công trình giao thông như: Các Ban quản lý dự án thuộc Bộ GTVT và Ủy ban nhân dân các tỉnh...do đó, Tổng công ty tin tưởng vào khả năng thu hồi các khoản phải thu này.

Đối với các khoản trả trước cho người bán:

Đây là các khoản trả trước cho các nhà thầu phụ, đối tác cung cấp vật liệu thi công, Tổng công ty lựa chọn các đối tác đã có nhiều năm truyền thống hợp tác để đảm bảo khả năng thu hồi các khoản trả trước cho người bán.

Các khoản phải thu khác:

Bao gồm khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia, các ban điều hành dự án và cán bộ công nhân viên vay..., các khoản phải thu này có thể thu hồi được.

Chi tiết các khoản Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty tại 31/12/2016 như sau:

Stt	Nội dung	Khoản nợ		Giá trị dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
		Giá gốc	Đánh giá giá trị có thể thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Công ty cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	19.563.645.656	14.167.615.901	5.396.029.755

Stt	Nội dung	Khoản nợ		Giá trị dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
		Giá gốc	Đánh giá giá trị có thể thu hồi	
2	Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	45.503.893.539	9.656.141.852	35.847.751.687
3	Công ty cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	82.576.216.575	13.594.669.058	68.981.547.517
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	20.653.048.115	3.003.652.027	17.649.396.088
5	Các đối tượng khác	8.128.851.162	1.744.781.474	6.384.069.688
	Tổng cộng	176.425.655.047	42.166.860.312	134.258.794.735

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản công nợ khó đòi của các Công ty trên đều là các khoản dự phòng của Công ty mẹ do Tổng công ty ứng trước và cho các đơn vị trên vay để thi công công trình (các nhà thầu phụ).

✚ Các khoản phải trả

Tại BCTC Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
A	Nợ ngắn hạn	1.015.288.354.693	936.787.944.335	675.140.867.506
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	180.074.798.442	62.256.945.982	37.683.626.760
2	Phải trả người bán	500.272.595.083	497.874.562.391	316.862.547.522
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	229.920.458.426	261.613.503.953	191.230.831.984
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	27.238.397.777	5.552.538.666	5.464.848.853
5	Phải trả người lao động	17.052.700.950	4.723.029.442	2.083.420.145
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	9.003.435.850	53.379.386.655	44.098.707.124
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	49.699.291.324	47.771.205.555	71.663.609.556
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.026.676.841	3.616.771.691	4.479.673.404
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	1.573.602.158
B	Nợ dài hạn	142.947.274.045	81.663.298.753	78.582.438.330
1	Phải trả dài hạn khác	-	19.309.078.734	22.289.649.894
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	142.947.274.045	62.354.220.019	56.292.788.436
	Tổng cộng	1.158.235.628.738	1.018.451.243.088	753.723.305.836

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 công ty mẹ của TTL)

Tại BCTC Tổng công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/6/2017
A	Nợ ngắn hạn	1.251.168.817.013	1.105.828.002.442	879.917.400.897
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	266.215.859.810	132.868.759.946	118.654.366.674
2	Phải trả người bán	532.443.457.227	500.097.591.488	338.245.535.013
3	Người mua trả tiền trước	253.845.166.209	265.480.704.492	209.346.576.404
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	51.257.696.984	31.207.329.623	30.520.125.674
5	Phải trả người lao động	54.154.249.174	24.521.405.323	15.936.509.053
6	Chi phí phải trả	9.204.885.151	63.685.682.683	52.457.785.248
7	Phải trả nội bộ	-	-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	81.754.554.407	84.103.100.670	107.682.139.727
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.292.948.051	3.863.428.217	5.500.760.946
10	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	1.573.602.158
B	Nợ dài hạn	151.698.512.219	89.161.971.739	86.218.557.085
1	Phải trả dài hạn người bán	5.925.724.174	5.919.724.174	5.919.724.174
2	Phải trả dài hạn khác	-	19.309.078.734	22.289.649.894
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	145.772.788.045	63.933.168.831	57.904.052.748
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			105.130.269
	Tổng cộng	1.402.867.329.232	1.194.989.974.181	966.135.957.982

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét 6T/2017 hợp nhất của TTL)

Tổng các khoản phải trả của Công ty mẹ và Hợp nhất Tổng công ty năm 2016 giảm so với năm 2015 chủ yếu do giảm khoản vay và nợ ngắn hạn để phục vụ thi công. Theo số liệu tại BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã giảm khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn từ hơn 266 tỷ đồng cuối năm 2015 xuống hơn 132 tỷ đồng cuối năm 2016, đồng thời giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn từ hơn 145 tỷ đồng cuối năm 2015 xuống hơn 63 tỷ đồng cuối năm 2016.

Khoản phải trả người bán có xu hướng giảm qua các năm chủ yếu do công ty mẹ Tổng công ty đã kiểm soát tốt dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và đã chi trả cho các đối tác thi công, các nhà thầu phụ như: CTCP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long, CTCP Cầu 7 Thăng Long...

Các khoản chi phí phải trả của Tổng công ty năm 2016 tăng so với năm 2015 chủ yếu là do Công ty mẹ Tổng công ty trích trước chi phí thi công công trình, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí phải trả: Trong đó:	9.204.885.151	63.685.682.683	52.457.785.248
- Trích trước chi phí thi công công trình	683.768.563	55.467.692.488	41.442.196.737
- Chi phí lãi vay	8.521.116.588	8.217.990.195	11.009.199.918
- Các khoản trích trước khác	-	-	6.388.593

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác của Tổng công ty (cả công ty mẹ và hợp nhất) tại 30/6/2017 đều tăng nhiều so với cuối năm 2015, chủ yếu là do tăng các khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả của công ty mẹ Tổng công ty, cụ thể: khoản cổ tức lợi nhuận phải trả tại 30/06/2017 trên BCTC soát xét công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2017 là hơn 40 tỷ đồng (tăng 545,93% so với cuối năm 2016), trên BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 là 41,4 tỷ đồng (tăng 556,34% so với cuối năm 2016).

Các khoản phải trả dài hạn khác của Tổng công ty tại 31/12/2016 và 30/6/2017 lần lượt là 19,3 tỷ đồng và 22,28 tỷ đồng, đây là giá trị thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty tại các dự án BOT từ nguồn tiền thu phí qua các năm kể từ khi dự án được thu phí đến 31/12/2016 và 30/6/2017. Hết thời gian thu phí, giá trị thu hồi vốn đầu tư đúng bằng giá trị Tổng công ty đầu tư tại các dự án BOT, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Các khoản phải trả dài hạn: Trong đó	-	19.309.078.734	22.289.649.894
- Giá trị thu hồi vốn đầu tư Công ty BOT Yên Lệnh	-	12.659.420.154	14.771.053.917
- Giá trị thu hồi vốn đầu tư Công ty BOT 188	-	6.649.658.580	7.518.595.977

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015 và 2016 của Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,41	1,39
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,23	1,28
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,68	0,65
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,14	1,88
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016
Vòng quay Hàng tồn kho: Giá Vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	10,78	13,13
Vòng quay Tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,32	1,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,72%	2,83%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13,01%	10,04%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3,61%	3,33%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,53%	2,22%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 2016 công ty mẹ của Tổng công ty)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015 và 2016 của Tổng công ty hợp nhất

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,35	1,36
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,12	1,22
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,71	0,67
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,46	2,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng quay Hàng tồn kho: Giá Vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,43	9,53
Vòng quay Tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ^(*)	1,28	1,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ^(*)	3,44%	3,00%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân ^(*)	18,28%	11,43%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân ^(**)	4,51%	3,53%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	4,26%	2,77%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015 và 2016 của Tổng công ty)

(*): chỉ tính trên lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu thuộc Công ty mẹ

(**): tính trên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế (mã số 60 trên BCKQKD)

Qua các chỉ số tài chính đã được tính như trên, có thể cho ta thấy bức tranh tổng quát về tình hình tài chính của Tổng công ty Thăng Long – CTCP như sau:

Sau khi hoàn tất việc cổ phần hoá và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công, Tổng công ty đã có các kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính tích cực hơn. Năm 2016, Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,39 lần tại Công ty mẹ và 1,36 lần khi hợp nhất Tổng công ty, giảm nhẹ so với mức 1,41 lần tại Công ty mẹ và 1,35 lần khi hợp nhất Tổng công ty năm 2015. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh năm 2016 tăng so với năm 2015, đạt 1,28 lần tại Công ty mẹ và 1,22 lần khi hợp nhất Tổng công ty, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp được cải thiện.

Năm 2016, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ đạt 1,88 lần giảm mạnh so với hệ số 2,14 lần năm 2015. Trong khi đó, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu theo BCTC hợp nhất cũng giảm từ 2,46 lần năm 2015 xuống 2,04 lần năm 2016.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2016 giảm nhẹ so với năm 2015 với hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân 10,04% năm 2016 ở Công ty mẹ và 11,43% năm 2016 khi hợp nhất Tổng công ty, trong khi năm 2015 lần lượt là 13,01% và 18,28%.

11. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

11.1 Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu	Chức vụ
1	Phạm Văn Lương	05/09/1957	162057066	Chủ tịch – TV. HĐQT không độc lập
2	Đình Việt Tùng	30/10/1974	14074000003	TV. HĐQT không độc lập
3	Mai Trọng Thịnh	09/11/1976	036076000052	TV. HĐQT không độc lập
4	Lê Đăng Khoa	18/8/1974	012031366	TV. HĐQT không độc lập
5	Nguyễn Đức Kiên	15/3/1982	162460109	TV. HĐQT không độc lập, Tổng Giám đốc

SƠ YẾU LÍ LỊCH

a. Ông Phạm Văn Lương – Chủ tịch HĐQT (TV. HĐQT không độc lập)

– Họ và tên: Phạm Văn Lương

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/09/1957
- Nơi sinh: Xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 12 Tô Hiệu, Ngô Quyền, Thành phố Nam Định.
- Chứng minh thư nhân dân số: 162057066 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 28/12/2007
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty cổ phần Tasco Thành Công*
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cầu 1 Thăng Long*
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cầu 21 Thăng Long*
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bê tông Thăng Long – Mê Kông*
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1988 – 3/1993	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nam Định	Giám đốc phân xưởng
04/1993 – 06/1998	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nam Định	Trợ lý Giám đốc – Cán bộ Tổ chức
07/1998 – 12/2001	Công ty Công trình giao thông tỉnh Nam Định.	Đội trưởng đội công trình 14
01/2002 – 12/2007	Công ty CP xây dựng hạ tầng Thành Công (trước đây là Công ty công trình giao thông tỉnh Nam Định.)	Phó GD điều hành
01/2008 – 05/2012	Công ty CP TASCOS (trước đây là công ty CP xây dựng hạ tầng Thành Công)	Tổng giám đốc
06/2012 – 04/2017	Công ty CP TASCOS	Phó Chủ tịch HĐQT
11/2015 - 3/2016	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Phó Chủ tịch HĐQT
04/2016 – nay	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Chủ tịch HĐQT
08/2013 - nay	Công ty cổ phần Tasco Thành Công	Giám đốc
01/2016- nay	Công ty cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Thành viên HĐQT
12/2015 - nay	Công ty cổ phần cầu 21 Thăng Long	Chủ tịch HĐQT
3/2016 - nay	Công ty TNHH Bê tông Thăng Long –	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Mê Kông	

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
- Sở hữu cá nhân: 0
- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần TASCO: 14.838.949 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35,41%
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Tasco	Hiện là đại diện vốn của Công ty cổ phần Tasco tại Tổng công ty Thăng Long - CTCP	14.838.949	35,41%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
 - + Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

b. Ông Đinh Việt Tùng – Thành viên HĐQT không độc lập

- Họ và tên: Đinh Việt Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/10/1974
- Nơi sinh: Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 5, ngõ 260 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 014074000003 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư Ngày cấp: 29/8/2013
- Trình độ chuyên môn:

Năm tốt nghiệp	Học vị	Chuyên ngành	Đơn vị đào tạo
1995	Cử nhân	Kế toán	Đại học Tài chính kế toán

2000	Cử nhân	Luật Kinh tế	Đại học Luật Hà Nội
2011	Thạc sỹ	Tài chính – Ngân hàng	Học viện Tài chính
2014	Cao cấp	Lý luận chính trị - hành chính	Học viện chính trị Quốc gia

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1996–3/1997	Tổng cục Quản lý vốn và tài chính nhà nước tại doanh nghiệp – Bộ Tài chính	Nhân viên hợp đồng
3/1997–10/1999	Tổng cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp – Bộ Tài chính	Chuyên viên
10/1999–8/2006	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính	Chuyên viên
8/2006–02/2012	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban Đầu tư 2
3/2012–6/2014	Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX., JSC) (do SCIC biệt phái)	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
7/2014–nay	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Trưởng Ban Đầu tư 2 kiêm Thành viên HĐQT Vinaconex (đến 4/2017)
4/2016 -nay	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0
 - + Sở hữu đại diện Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước: 10.500.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 25,05%
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Hiện là đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Thăng Long - CTCP	10.500.000	25,05 %

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
- + *Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.*
- + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

c. Ông Mai Trọng Thịnh – Thành viên HĐQT không độc lập

- Họ và tên: Mai Trọng Thịnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 09/11/1976
- Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.2103 E The Manor, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 036076000052 Nơi cấp: Cục Cảnh sát dữ liệu quốc gia về dân cư Ngày cấp: 12/12/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Bắc Phương
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 – 2005	Công ty cổ phần Tasco	Đội trưởng đội thi công
Từ 2005 - nay	Công ty cổ phần Bắc Phương	Giám đốc Công ty
Từ tháng 5/2014 – nay	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 4.661.963 cổ phiếu chiếm tỷ lệ: 11,12 %*
 - + *Sở hữu đại diện: Không có*
 - + *Sở hữu của người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
-----------	---------	-------------------	-----------

Phạm Thị Nhài	Vợ	1.342.726	3.20%
---------------	----	-----------	-------

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức niêm yết:
 - + *Thù lao của thành viên HĐQT chi trả theo NQ ĐHĐCĐ.*
 - + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

d. Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: LÊ ĐĂNG KHOA
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/08/1974
- Nơi sinh: Thành phố Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 7 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012031366 Nơi cấp: CA TP Hà Nội - Ngày cấp: 16/10/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + *Phó Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội*
 - + *Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BHS)*
 - + *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)*
 - + *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Lilama.*
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1994 – 03/2009	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Chuyên viên – Kiểm soát viên – Phó phòng – Trưởng phòng – Giám đốc phụ trách Khối Nguồn vốn – ngoại hối.
04/2009 đến nay	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
03/2014 - nay	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Gòn – Hà Nội	
03/2014 - nay	<i>Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</i>	Thành viên HĐQT
Tháng 5/2014 đến nay	CTCP Bất động sản Lilama	Chủ tịch HĐQT
05/2014 - nay	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: Không có*
 - + *Sở hữu đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội: 3.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu: 7,16 %.*
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	Hiện là Phó TGD Ngân hàng và đại diện vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội tại Tổng công ty Thăng Long - CTCP	3.000.000	7,16 %
Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Hiện là Thành viên HĐQT tại Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	3.000.000	7,16 %

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu)
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
 - + *Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.*
 - + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

e. Ông Nguyễn Đức Kiên – Thành viên HĐQT không độc lập – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Đức Kiên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/03/1982
- Nơi sinh: Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 10 đường Phan Huy Ích, Xã Lộc An, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Chứng minh thư nhân dân số: 162460109 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 09/01/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường (hệ tiếng Anh) - Đại học Giao thông vận tải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2005 - 10/2007	Công ty cổ phần Thành Công (Tasco)	Chuyên viên phòng Kinh doanh
10/2007 - 10/2010	Công ty cổ phần Thành Công (Tasco)	Trưởng phòng Kinh doanh
10/2010 - 10/2013	Công ty cổ phần Xây dựng Tasco	Phó giám đốc
11/2013 - 5/2014	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Giám đốc
05/2014 - 11/2014	Công ty cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc
11/2014 - 7/2015	Công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
7/2015 – 4/2017	Công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long	Thành viên HĐQT
7/2015 – nay	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Tổng giám đốc
8/2015 – nay	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 65.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,155%
 - + Sở hữu đại diện: 0
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không có

11.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Kiên	15/03/1982	162460109	Tổng Giám đốc, TV HĐQT
2	Đỗ Lê Khang	06/07/1974	034074001040	Phó Tổng Giám đốc
3	Hồ Thái Dương	19/10/1975	012425518	Phó Tổng Giám đốc

SƠ YẾU LÍ LỊCH

a. Ông Nguyễn Đức Kiên – Tổng Giám đốc (*Xin xem chi tiết tại điểm e khoản 12.1 Sơ yếu lí lịch thành viên Hội đồng quản trị*)

b. Ông Đỗ Lê Khang – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Đỗ Lê Khang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/07/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 37A ngõ 149 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 034074001040 Nơi cấp: Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 18/03/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm – Đại học Giao thông vận tải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1996 - 5/2007	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư cầu hầm, phòng Kỹ thuật công nghệ
6/2007 - 12/2009	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
1/2010 – 3/2010	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Phó Trưởng phòng phụ trách

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		phòng Kỹ thuật công nghệ
4/2010 – 10/2014	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
11/2014 - nay	Phó Tổng giám đốc	Tổng công ty Thăng Long - CTCP

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 6.700 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,016%*
 - + *Sở hữu đại diện: 0*
 - + *Sở hữu của người có liên quan: 0*
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

c. Ông Hồ Thái Dương - PTGD

- Họ và tên: Hồ Thái Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1975
- Nơi sinh: Thụy An, Ba Vì, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 176 Lê Duẩn, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012425518 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 02/04/2001
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Hầm
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
------------------	------------------------	----------------

7/1998 – 4/2004	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư Ban điều hành dự án
5/2004 – 2/2005	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Phó giám đốc Ban ĐHDA Bồng Sơn – Bàn Thạch
3/2005 – 8/2005	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư phòng Kỹ thuật công trình
9/2005 – 5/2007	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư phòng Dự án, Trung tâm Quản lý dự án
6/2007 – 9/2009	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư phòng Kỹ thuật công nghệ
10/2009– 10/2011	Liên danh Teken – Yokogawa - Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Kỹ sư Dự án nâng cấp an toàn cầu đường sắt tuyến Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh (CP2)
11/2011 – 6/2012	Liên danh Teken – Yokogawa - Tổng công ty XD Thăng Long	Phó giám đốc Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt (CP1D)
7/2012 – 11/2014	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Phó phòng Kỹ thuật công nghệ kiêm Phó giám đốc Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt (CP1D)
12/2014 – 8/2016	Tổng công ty Thăng Long -CTCP	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
9/2016 - nay	Tổng công ty Thăng Long -CTCP	Phó tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 6.400 cổ phiếu; chiếm tỷ lệ 0,015%*
 - + *Sở hữu đại diện: 0*
 - + *Sở hữu của người có liên quan : 0*
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu	Chức vụ
1	Vũ Đức Trung	25/12/1980	011965811	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Đặng Ngọc Tuấn Hiệp	03/05/1981	011978238	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Thu	29/6/1986	036186000012	Thành viên BKS

SƠ YẾU LÍ LỊCH

a. Ông Vũ Đức Trung – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Đức Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/12/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tập thể Bệnh viện Đường Sắt, Láng Thượng, HN
- Chứng minh thư nhân dân số: 011965811 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 05/02/2007
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính, CPA (2007)
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - + Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2007	Công ty Kiểm toán Deloitte	Kiểm toán viên
2007-2009	CTCP Chứng khoán Seabank	Phó Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành
2009-T3/2011	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Trưởng phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành
T3/2011-T12/2013	CTCP Tập đoàn T&T	Trưởng phòng đầu tư
Từ 2012-nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Hà Nội	
T12/2013-nay	Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Từ 05/2014-nay	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 0*
 - + *Sở hữu đại diện cho Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội : 3.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 7,16%.*
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Hiện là TV. HĐQT kiêm Phó TGD và là đại diện vốn của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội tại Tổng công ty Thăng Long - CTCP	3.000.000	7,16 %

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
 - + *Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.*
 - + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

b. Ông Đặng Ngọc Tuấn Hiệp – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Đặng Ngọc Tuấn Hiệp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/05/1981
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 9/60 Yên Lạc, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011978238 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 28/02/2005

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà nội - chuyên ngành Cơ Tin kỹ thuật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + *Chuyên viên Ban Đầu tư 2 – Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước*
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2004 - 2006	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng – Bộ Khoa học và Công nghệ	Trợ lý Phó Tổng Giám đốc
2007 – 7/2009	Phòng Kinh doanh – Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC – VNPT)	Chuyên viên
7/2009 – 12/2013	Ban Đầu tư và Quản lý vốn Ngoài doanh nghiệp – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Chuyên viên
1/2014 đến nay	Ban Đầu tư 2 – Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Chuyên viên
5/2016 đến nay	Tổng công ty Thăng Long -CTCP	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 0*
 - + *Sở hữu đại diện: 0*
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Hiện là nhân viên đang công tác tại Ban Đầu tư 2 - SCIC	10.500.000	25,05 %

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
 - + *Thù lao của thành viên Ban kiểm soát chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.*
 - + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

c. Bà Nguyễn Thị Thu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 29/6/1986
- Nơi sinh: Hải Phòng, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: E2103, The Manor, Phường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 036186000012 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH Ngày cấp: 28/11/2012
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Hùng Thắng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T6/2008 – T2/2010	Công ty Cổ phần Sao Thái Dương.	Nhân viên Kế toán
Từ T2/2010 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng Thắng	Kế toán trưởng
Từ T5/2014 – nay	Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + *Sở hữu cá nhân: 0*
 - + *Sở hữu đại diện: 0*
 - + *Sở hữu của người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Phạm Thế Hùng	Chồng	2.461.662	5,87%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:

- + *Thù lao của thành viên Ban kiểm soát chi trả theo NQ ĐHĐCĐ.*
- + *Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.1. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu	Chức vụ
1	Lê Thị Ngọc	08/11/1977	038177000148	Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Ngọc – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Lê Thị Ngọc
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/11/1977
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 20B Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 038177000148 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 21/04/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty cổ phần Tasco
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - tháng 11/2007	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán
Tháng 12/2007-tháng 6/2008	Công ty cổ phần Contrexim đầu tư và xây lắp cao tầng	Phó phòng Tài chính kế toán
Tháng 7/2008-tháng 6/2009	Công ty cổ phần Contrexim đầu tư và xây lắp cao tầng	Kế toán trưởng
Tháng 6/2009-tháng 12/2009	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Sông Hồng 9	Kế toán trưởng
Tháng 1/2010-tháng 12/2010	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán thanh toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 12/2010-tháng 5/2012	Công ty cổ phần Tasco	Phó phòng kế toán
Tháng 5/2012-tháng 7/2015	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán trưởng
Tháng 7/2015 – 10/2016	Công ty cổ phần Tasco	Trưởng phòng Kiểm toán
Tháng 11/2016 - nay	Tổng công ty Thăng Long -CTCP	Kế toán trưởng
4/2017 - nay	Công ty cổ phần Tasco	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0
 - + Sở hữu đại diện: 0
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Tasco	Hiện là Thành viên BKS tại Công ty cổ phần Tasco	14.838.949	35,41%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12. TÀI SẢN

a. Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định của Tổng công ty Thăng Long – CTCP tại thời điểm 30/6/2017 như sau:

Tại Công ty mẹ Tổng công ty Thăng Long - CTCP

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
TSCĐ hữu hình	47.415.523.820	10.268.395.189	21,66%
Nhà cửa và vật kiến trúc	42.508.242.954	9.097.757.728	21,40%
Máy móc thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.587.563.514	1.059.967.723	29,54%

Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.319.717.352	110.669.738	8,39%
TSCĐ vô hình	225.470.000	140.918.752	62,50%
Phần mềm máy tính	225.470.000	140.918.752	62,50%

(Nguồn: BCTC quý tại 30/6/2017 của Công ty mẹ - Tổng công ty)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại 31/12/2016 là: 3.181.723.116 đồng, tại 30/6/2017 là 6.441.509.887 đồng.

Trong năm tài chính 2016, Công ty mẹ Tổng công ty đã tiến hành thanh lý, nhượng bán các TSCĐ hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý đã hết khấu hao và ghi nhận nguyên giá giảm 58.886.906.283 đồng, thu nhập khác ghi nhận từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ là 15.794.947.924 đồng.

Tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty Thăng Long - CTCP

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
TSCĐ hữu hình	222.558.572.409	31.194.178.645	14,02%
Nhà cửa và vật kiến trúc	52.393.816.068	10.818.508.920	20,65%
Máy móc thiết bị	143.408.544.489	12.365.047.842	8,62%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.090.566.650	7.523.220.740	31,23%
Thiết bị dụng cụ quản lý	2.665.645.202	487.401.143	18,28%
TSCĐ vô hình	225.470.000	140.918.752	62,50%
Phần mềm máy tính	225.470.000	140.918.752	62,50%

(Nguồn: BCTC hợp nhất tại 30/6/2017 Tổng công ty)

Tại BCTC hợp nhất, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại 31/12/2016 là: 73.036.983.796 đồng, tại 30/6/2017 là 93.018.757.817 đồng. Trong năm tài chính 2016, Tổng công ty đã tiến hành thanh lý, nhượng bán các TSCĐ hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý đã hết khấu hao và ghi nhận nguyên giá giảm 48.646.541.464 đồng. Cũng trong năm tài chính 2016, Tổng công ty đã ghi nhận việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất của Công ty CP Cầu 1 Thăng Long tại số 14 Phan Chu Trinh – TP Huế với nguyên giá ghi nhận là 9.381.000.000 đồng và quyền sử dụng đất của Công ty CP Cầu 3 Thăng Long tại Phường Thới An, Quận 12 TP Hồ Chí Minh với nguyên giá ghi nhận: 2.600.000.000 đồng, các Quyền sử dụng đất không trích khấu hao. Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ năm 2016 trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty là 13.362.956.365 đồng.

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Tại thời điểm 30/6/2017:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	30/6/2017 tại Công ty mẹ	30/6/2017 tại BCTC Hợp nhất
Toà tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	-	273.540.369
Đầu tư dự án khác	31.874.212	170.074.292
Sửa chữa lớn		1.279.938.067
Tổng cộng	1.882.581.224	3.574.259.740

(Nguồn: BCTC soát xét 6T/2017 Công ty mẹ và Hợp nhất của Tổng công ty)

c. Các tài sản nhà, đất tổ chức niêm yết đang quản lý và sử dụng:

- **06 lô đất** tại Hà Nội với tổng diện tích đất **53.473 m²**.
- **03 căn hộ chung cư** tại 127B Đinh Tiên Hoàng, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là **263,04 m²**.

Ngoài ra Công ty mẹ - Tổng công ty còn có 1 lô đất thuê của Thành phố Hà Nội có diện tích là **403,7 m²** đã hết hạn thuê từ năm 2012, hiện bị lấn chiếm toàn bộ từ lâu, Tổng công ty đã báo cáo trả lại Thành phố Hà Nội.

Chi tiết tại bảng kê như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất	Ghi chú
I	07 LÔ ĐẤT TẠI HÀ NỘI					
1	Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội	645	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thuê đất số 193/HĐTĐ-STNMT-TC ngày 29/3/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long-CTCP. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/7/2016. 	01 nhà 6 tầng Tổng công ty	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.	
2	Xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	9.990 m ²	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thuê đất số 192/HĐTĐ-STNMT-TC ngày 29/3/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long-CTCP. 	Văn phòng làm việc và nhà xưởng.	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	
3	Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	20.981 m ²	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận QSDĐ số 1258 ngày 28/3/1987 Quyết định về việc cho Tổng công ty Thăng Long-CTCP thuê 20.981m² số 5512/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội. 	Kho chứa vật tư thiết bị, hàng hóa và hợp tác sang triết gas.	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	chưa ký được hợp đồng thuê đất với thành phố
4	Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	11.375,7 m ²	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thuê đất số 232/HĐTĐ-STNMT-TC ngày 10/05/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long-CTCP 	Văn phòng làm việc và nhà kho bãi nhà xưởng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	
5	Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	1.127,8 m ²	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thuê đất số 230/HĐTĐ-STNMT-TC ngày 10/05/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long-CTCP 	Văn phòng làm việc và nhà kho bãi nhà xưởng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.	

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất	Ghi chú
6	Tân Xuân, Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	4.040 m ²	- Hợp đồng thuê đất số 538/HĐTĐ-STNMT-TC ngày 10/06/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long-CTCP	Văn phòng làm việc và nhà xưởng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.	
II	03 CĂN HỘ CHUNG CƯ					
1	Tại số 127B, Đinh Tiên Hoàng, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	263,4	- Quyết định số 441/VP ngày 04/10/1991 của Liên hiệp Quản lý đường bộ 7 về việc phân cho Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long 03 căn hộ tại 127B Đinh Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh; - Quyết định số 3351/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất của Tổng công ty xây dựng Thăng Long, Công ty TNHH một thành viên quản lý và sửa chữa đường bộ 78 và Công ty TNHH một thành viên quản lý và xây dựng công trình 71.	Văn phòng làm việc của Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Mua căn hộ	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng
<i>(Nguồn: Tổng công ty Thăng Long – CTCP)</i>						

13. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC DỰ KIẾN NĂM 2017

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 ngày 10/05/2017 của Tổng công ty Thăng Long - CTCP đã thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty mẹ - Tổng công ty với một số chỉ tiêu dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016 (VND)	Kế hoạch năm 2017 (VND)	% tăng, giảm của 2017/2016
Doanh thu thuần	1.916.548.630.116	2.081.000.000.000	8,58%
Lợi nhuận sau thuế	54.318.084.961	57.000.000.000	4,94%
Vốn điều lệ	419.080.000.000	419.080.000.000	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,83%	2,75%	
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12,96%	13,60%	
Tỷ lệ cổ tức	12%	12%	

(Nguồn: TTL)

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017 của Tổng công ty Thăng Long – CTCP được xây dựng dựa trên ước tính về tiến độ thi công, quyết toán các công trình, dự án Tổng công ty đã và đang tham gia. Sau khi cổ phần hoá, Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp cải tiến, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tốt công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi nợ, sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành, các đơn vị trực tiếp sản xuất, đào tạo năng lực đội ngũ nhờ đó đem lại những chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong năm 2017, Tổng công ty sẽ triển khai các dự án trọng điểm để đáp ứng tiến độ bàn giao như: Các gói thầu 4 – Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Gói thầu số 8 Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn - Tp. Hải Phòng, Nút giao Xuân Phương, cầu thép Ngã 6 Gò Vấp, Xây dựng cầu Nam Lý...

Đồng thời Tổng công ty sẽ đẩy mạnh công tác thị trường để ký và triển khai các hợp đồng mới. Việc hoàn thành các dự án đang triển khai và đẩy mạnh công tác thị trường sẽ giúp Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

Ngoài ra, Tổng công ty đang trong quá trình thực hiện tái cấu trúc một cách toàn diện và có các biện pháp quyết liệt để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo hướng:

- ❖ Thoái vốn tại các công ty liên kết hoạt động kém hiệu quả, trong năm 2016 Tổng công

ty đã thực hiện thoái hết vốn tại nhiều đơn vị kém hiệu quả, như: Công ty cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long, Công ty cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long, CTCP Xây dựng số 9 Thăng Long, CTCP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long... để tái cấu trúc và nâng cao năng lực của Tổng công ty.

- ❖ Áp dụng một số quy định tạm thời đối với nhà thầu phụ trong đó có chủ trương lựa chọn thầu phụ theo phương thức chào giá cạnh tranh, tạm ứng và vay vốn của nhà thầu phụ phải có bảo lãnh...;
- ❖ Tập trung đơn đốc công tác giải quyết khối lượng dở dang các dự án đang thực hiện. Đặc biệt quyết liệt trong việc giải quyết khối lượng dở dang các dự án chỉ tồn, đẩy mạnh thu hồi công nợ.

Tổng công ty tin tưởng rằng, nhờ quá trình tái cấu trúc toàn diện và áp dụng các biện pháp quyết liệt sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty mẹ đã đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 (VND)	Thực hiện 6 tháng 2017 (VND)	% thực hiện 6 tháng/Kế hoạch 2017
Doanh thu thuần	2.081.000.000.000	487.349.205.650	23,42%
Lợi nhuận sau thuế	57.000.000.000	22.974.969.609	40,31%

(Nguồn: NQ ĐHĐCĐ thường niên 2017 và BCTC soát xét 6T2017 Công ty mẹ - Tổng công ty)

Trong 6 tháng đầu năm 2017, các dự án được quyết toán và ghi nhận doanh thu với chủ đầu tư còn chậm, đồng thời các dự án lớn năm 2017 của Tổng công ty chưa đẩy mạnh triển khai do đó doanh thu thuần Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đạt 55,39% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 23,42% kế hoạch năm. Một số dự án đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ với giá trị ghi nhận theo tiến độ như: Dự án Quốc lộ 10 Cầu Tiên Cựu – Quý Cao đạt 238 tỷ đồng, dự án Quốc lộ 10 Cầu Trạm Bạc đạt 97 tỷ đồng, Dự án nút giao Xuân Phương – Lê Đức Thọ đạt 72 tỷ đồng, Gói thầu số 4 Đà Nẵng – Quảng Ngãi đạt 55 tỷ đồng..... Tuy nhiên, Công ty mẹ Tổng công ty có lợi nhuận sau thuế bằng 55,51% cùng kỳ năm 2015 và đạt hơn 40,31% kế hoạch năm 2017 chủ yếu do Công ty mẹ Tổng công ty có lợi nhuận được phân chia từ dự án cải tạo các cầu đường sắt và lợi nhuận được chia từ 2 dự án BOT. Tổng mức cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ 6 tháng đầu năm 2017 đạt 33,683 tỷ đồng vượt so với cùng so với cùng kỳ năm trước 0,35%.

Trong 6 tháng cuối năm, Tổng công ty dự kiến tiếp tục ghi nhận doanh thu tại một số dự án như: Dự án đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch – Cầu Thăng Long, Dự án Cầu vượt Nguyễn Thái Sơn – Tp. Hồ Chí Minh, Dự án Cầu vượt Nguyễn Tri Phương – Tp. Đà Nẵng.... Dự kiến với tiến độ thi công, quyết toán và ghi nhận doanh thu tại các công trình trọng điểm của Tổng

công ty còn chậm, năm 2017, Công ty mẹ Tổng công ty sẽ khó đạt các chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đã đề ra.

14. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NÓI TRÊN

Về kế hoạch năm 2017, theo thông tin doanh nghiệp cung cấp, Tổng công ty sẽ triển khai các dự án trọng điểm để đáp ứng tiến độ bàn giao như: Các gói thầu 4 – Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Gói thầu số 8 Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, TP Hải Phòng, Nút giao Xuân Phương, cầu thép Ngã 6 Gò Vấp, Xây dựng cầu Nam Lý... Đồng thời, Tổng công ty cũng đẩy mạnh công tác thị trường để ký và triển khai các hoạt động mới, nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch kinh doanh đã đặt ra. Bên cạnh hoạt động chính từ Công ty mẹ, kết quả hoạt động của toàn Tổng công ty trong năm 2017 cũng sẽ được bổ sung nhờ kỳ vọng vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

Trong năm 2017, nguồn lực đầu tư công cho hạ tầng giao thông đang hạn chế, 6 tháng đầu năm 2017, Công ty mẹ Tổng công ty mới hoàn thành 40,31% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của cả năm. Như vậy, với những thông tin Tổng công ty Thăng Long – CTCP đưa ra, trong điều kiện tình hình kinh tế vĩ mô ổn định và có những dấu hiệu khả quan, cùng với sự nỗ lực tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thăng Long – CTCP, chúng tôi cho rằng Tổng công ty cần thực hiện nhiều biện pháp hơn nữa để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA ĐƯỢC THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT: không có

16. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT: không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- 1. LOẠI CỔ PHIẾU:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. MỆNH GIÁ:** 10.000 đồng/cổ phần
- 3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT:** 41.908.000 cổ phiếu
- 4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO**

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT:

Danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện tại Tổng công ty Thăng Long – CTCP bao gồm các đối tượng sau:

❖ Những người lao động trong Tổng công ty Thăng Long khi cổ phần hóa đã thực hiện mua cổ phần theo năm cam kết làm việc lâu dài trong doanh nghiệp (Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước) chịu hạn chế chuyển nhượng cho đến khi kết thúc thời gian cam kết. Thời gian cam kết được tính từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu - ngày 28/05/2014. **Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 245.900 cổ phần.**

❖ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty theo điểm đ khoản 2 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/ 2012, cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp. **Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 28.040.674 cổ phần**, danh sách cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
1	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội	CĐL là người có liên quan	3.000.000	1.500.000
2	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	CĐL là người có liên quan	3.000.000	1.500.000
3	Công ty cổ phần Tasco	CĐL là người có liên quan	14.838.949	7.419.475
4	Phạm Thế Hùng	CĐL là người có liên quan	2.461.662	1.230.831
5	Mai Trọng Thịnh	TV HĐQT	4.661.963	2.330.982
6	Nguyễn Đức Kiên	TV HĐQT, TGD	65.000	32.500
7	Đỗ Lê Khang	P TGD	6.700	3.350

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
8	Hồ Thái Dương	P TGD	6.400	3.200
	Cộng		28.040.674	14.020.338

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:

Giá cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên các phương pháp tính giá khác nhau. Trong đó, phương pháp so sánh ngang là phương pháp xác định giá trị của cổ phiếu dựa trên cơ sở giá cổ phiếu của các doanh nghiệp khác (doanh nghiệp so sánh) có mô hình kinh doanh, quy mô, mức độ tăng trưởng, v.v... tương tự với doanh nghiệp thông qua một số chỉ số thích hợp. Hai hệ số được sử dụng để định giá cổ phiếu Tổng công ty Thăng Long - CTCP là:

- ❖ Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E);
- ❖ Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần: Price/Book Value (P/B).

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và các chỉ tiêu về mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách (Book value) của các doanh nghiệp so sánh, các hệ số P/E và P/B trung bình được tính toán. Từ đó:

$$\text{Giá trị của cổ phiếu} = \text{P/E trung bình} \times \text{EPS (doanh nghiệp niêm yết)}$$

Hoặc:

$$\text{Giá trị của cổ phiếu} = \text{P/B trung bình} \times \text{Book value (doanh nghiệp niêm yết)}$$

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, để đưa ra mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên chính xác, phản ánh được giá trị thực của cổ phiếu Tổng công ty Thăng Long - CTCP và những biến động của thị trường chứng khoán tại thời điểm niêm yết, Tổng công ty sẽ thông qua mức giá chào sàn và sẽ đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào thời điểm thích hợp trước ngày giao dịch chính thức.

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (GTSS):

$$\text{GTSS} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ} - \text{Nguồn kinh phí, quỹ khác}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

GTSS tại thời điểm 31/12/2015 (tính theo BCTC hợp nhất năm 2016 có kiểm toán):

$$(569.213.680.306 - 13.239.358.843) : (41.908.000 - 54.300) = \mathbf{13.284 \text{ đồng/cp.}}$$

GTSS tại thời điểm 31/12/2016 (tính theo BCTC hợp nhất năm 2016 có kiểm toán):

$$(584.926.933.534 - 17.371.417.957) : (41.908.000 - 54.300) = \mathbf{13.560 \text{ đồng/cp.}}$$

GTSS tại thời điểm 30/06/2017 (tính theo BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017):

$(547.377.888.803 - 15.020.164.064) : (41.908.000 - 54.300) = 12.719 \text{ đồng/cp.}$

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng được quy định như sau:

“a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Hiện nay, Tổng công ty Thăng Long – CTCP chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại doanh nghiệp, tuy nhiên Tổng công ty có hoạt động kinh doanh trong một số ngành nghề có điều kiện như: kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải đường bộ... nhưng chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài. Do đó, chiếu theo quy định nêu trên tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/09/2017, Tổng công ty chưa có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần.

7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/ 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty kể từ 01/01/2016 là 20%.

Liên quan đến hoạt động hoạt động giao dịch chứng khoán, theo thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu

nhập cá nhân, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân của Chính phủ thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:

- + Thu nhập từ đầu tư vốn: lợi tức cổ phần và các thu nhập đầu tư vốn dưới các hình thức khác không bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ;
- + Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác;
- + Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp;
- + Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp;
- + ...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môn bài...

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở: Số 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: Số 29 Đường Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3910 4881 Fax: (84-28) 3910 4880

Website: <http://www.aascn.com.vn>

CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính soát xét 6T/2017 của Tổng công ty (riêng và Hợp nhất)
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
5. Các phụ lục khác (nếu có)

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2017

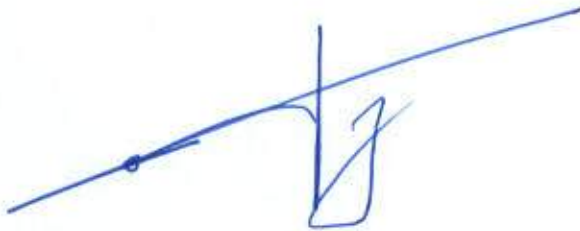
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC KIÊN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



VŨ ĐỨC TRUNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM VĂN LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NHŨ ĐÌNH HÒA